A close-up portrait of an elderly man with a gentle expression. He is wearing a black traditional Indonesian cap (peci) and large, clear-rimmed glasses. He is dressed in a white collared shirt and a light-colored suit jacket. The background is a soft-focus green, suggesting foliage.

The Story of My Life

BAPAK
R.M. MUHAMMAD
SUBUH
SUMOHADIWIDJOJO

Bapak Tự Truyện

Nguyên tác **The Story of My Life**

của Bapak R.M. Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo

© 1997 **Minh Thần** - Dịch giả sửa lại bản 1997 ngày 08.09.2007

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

Phiên bản điện sách 08.2014 Góc Nhỏ - Phiên bản 05.2021

Bapak Tự Truyện

Nguyên tác

The Story of My Life

của

Bapak R.M. Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo

dịch

Minh Thần

 2014

NỘI DUNG

Tựa	5
Lúc chào đời	6
Thời niên thiếu	10
Kiểm việc	14
Đi tìm đạo	17
Sự xuất hiện của Latihan Kedjiwaan	27
Sự tiến bộ của Latihan Kedjiwaan	32
Thăng thiên	37
Sự bành trướng ban đầu của Latihan Kedjiwaan	40
Sự thành lập của Susila Budhi Dharma	47
Chuyển đi tới Anh	55
Những chuyến đi thế giới	59
Phần cuối	67

Tựa

Bapak Raden Mas Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo dùng hai chữ để mô tả cuốn sách này. Danh từ mà Bapak dùng trong bản thảo là 'câu chuyện'. Nhưng đối với những người con và cháu của mình cũng như đối với những người theo tập latihan kedjiwaan của Subud, Ngài dùng chữ "tự truyện". Trong phần kết luận của cuốn sách, Bapak dùng những chữ "câu chuyện về chuyến đi của tôi để phát triển latihan kedjiwaan của Subud".

Bản thảo của Bapak được hoàn tất ngày 22 tháng 6 năm 1981. Bapak mất ngày 23 tháng 6 năm 1987. Bapak đã luôn luôn nói là câu chuyện này chỉ được xuất bản sau khi Ngài mất. Trước khi mất, Bapak đã chỉ đưa bản thảo cho một số ít người đọc, chỉ để thoả mãn sự tò mò của họ, nhưng đã không có những bình luận và những điều cho biết ý kiến của họ.

Nhiều người theo tập latihan kedjiwaan của Subud, đặc biệt những người đã gặp Bapak và được Ngài trực tiếp hướng dẫn, muốn nhớ lại và hiểu biết con người thật của Bapak. Thế cho nên, cuốn sách này được xuất bản trực tiếp theo bản thảo của Bapak mà không hề được sửa đổi.

Tài liệu trong cuốn sách này được dựa trên những ký ức của Bapak. Nhiều người có thể nhận thấy những vấn đề về chi tiết, đặc biệt những điều liên quan tới các nhân vật, không được đầy đủ và thiếu chính xác. Chúng tôi mong sự thông cảm của những người được nói tới, nếu điều đó thật sự là vậy.

Jakarta, ngày 22 tháng 6 năm 1989

Ir. Haryono Sumohadiwidjojo

Chương 1

Lúc chào đời

Trước khi kể chuyện về cuộc đời mình, tôi trước hết xin được mô tả cuộc đời của mẹ tôi là Kursinah trước khi bà lấy chồng, bởi đó là điều quan trọng để có thể hiểu được điều gì đã xảy ra đối với bà lúc đó.

Khi Ibu Kursinah còn nhỏ, bà sống với cha mẹ tại Juangi trong quận Telawah của Surakarta. Công việc cha mẹ bà làm là việc cung cấp vật liệu để bảo quản đường xe lửa Semarang-Solo.

Mẹ kể cho tôi là khi còn nhỏ bà thường tới ngủ tại mộ của một tổ tiên. Cha mẹ bà đã cấm bà không được làm điều đó, dù vậy bà vẫn cảm thấy có một sự thúc đẩy khiến mình đến ngủ tại đó.

Một đêm trong khi đang say sưa ngủ gần mộ, bà chợt thấy một con cọp lông tinh trắng tiến tới khiến bà giật mình. Mẹ thấy kinh hãi, nhưng sự sợ hãi đó biến mất khi bà nhận thấy con cọp hình như quen biết mình và nói cho mình hay điều nó đang làm - nó đang canh giữ mộ.

Sau này, mẹ được các người lớn tuổi cho hay là con cọp bà thường thấy gần mộ là con thú canh giữ mộ. Họ còn cho bà hay đó là mộ của Hoàng Thân Suryakusumo, một Hoàng Thân thuộc Kadilangu, Demak. Sau khi điều đó xảy ra, mẹ cảm thấy tự tin hơn và bà thường tới ngủ gần mộ.

Điều này tiếp diễn cho tới khi bà tới tuổi trưởng thành. Một đêm



Bapak's mother, Kursinah (above)

trong khi đang ngủ gần mộ, bà nằm mơ thấy mình được tắm trong ánh sáng rộng lớn như ánh sáng mặt trời và bà cảm thấy ánh sáng đâm xuyên qua toàn thân mình. Mẹ thấy sợ hãi đến nỗi phải thức dậy.

Theo lời bà kể, mẹ của bà là Masiyah, vợ của Kiai Karto-Seh, là con gái của Nyai Singodirino, một người đến lánh nạn từ Serang-Puduh, Surakarta. Nyai Singodirino là con gái của Hoàng Thân Purkobusomo - con trai của Hoàng Thân Suryokusomo của Kadilangu Demak - cũng được chôn cất tại nghĩa trang Juangi Telawah, Surakarta. Người ta còn nói là mẹ của tôi có họ hàng với Raden Ayu Mursiah, một vị nữ kiệt của cuộc chiến Dipanegaran¹, một người cũng được mai táng tại Samigaluh Kalon Pengo,

Người cha của mẹ tôi, Kiai Karto-Seh, xuất thân từ Ciberon và khi còn trẻ ông thường đi từ trường đạo phái này trường đạo phái khác để cho sự hiểu biết về đạo Hồi của mình được thâm sâu hơn. Người ta cũng còn nghĩ ông là hậu thân của Quốc Vương Kasepuhan, nhưng việc đó có thật hay không là một điều không được minh bạch.

Mẹ còn kể cho tôi là khi cha mẹ cùng bà đến ở Kedungjati, gần Semarang, thì nhà của cha bà, Kiai Karto-Seh, tình cờ lại gần nhà ông nội Raden Mas Sumowardoyo cũng đã tới đó ở từ Surakarta. Điều đó xảy ra không lâu trước khi cha mẹ lấy nhau.

Ngay sau khi họ lấy nhau, mẹ mang thai. Trong lúc thụ thai bà đã có những giấc mơ kỳ lạ. Bản chất vốn kín đáo bà đã không kể cho bất cứ ai hay về những giấc mơ đó, ngay cả với chồng bà.

Đến tháng 6 năm 1901, người ta nghe thấy một tiếng gầm thét lớn. Đó là tiếng động do sự phun lửa của Núi Kelud và tiếp theo là nhiều đồng tro lửa lẫn đổ xuống. Những buổi sáng chói chang và tinh trong đã trở nên tối mù. Chim chóc đều chết và mọi người đều trong tình trạng hốt hoảng, vì họ nghĩ là thế giới sắp tới hồi kết cuộc. Trái lại, mẹ đã cảm thấy một tiếng nói bên trong báo cho hay là những biến cố đáng lo ngại đó sẽ mau chóng chấm dứt.

1 Cuộc chiến Dipanegaran kéo dài từ năm 1825 cho tới năm 1830 là một cuộc nổi loạn chống lại thể chế thực dân của người Hòa Lan, dưới sự lãnh đạo của một người Java là Hoàng Thân Pangeran Diponegoro.

Và khi tôi được sinh, mẹ thấy núi non có mây bao quanh như một thắt lưng quanh bụng con người²; hồi đó nhiều đứa bé sinh ra đã chết ngay lập tức. Và chỉ như vậy, với những hoàn cảnh làm thiên hạ điều đứng mẹ mới cảm thấy lo cho đứa bé chưa ra đời.

Thật may mắn, nhờ ân huệ Thượng Đế, mẹ đã an toàn sinh tôi ra lúc 5 giờ sáng ngày thứ bảy Wage³, ngày thứ 3 của Malud⁴ trong năm Dhal⁵ 1831 - hoặc ngày 22 tháng 6 năm 1901. Ông nội và bà nội Raden Mas Sumowardoyo đều có mặt lúc tôi được sinh. Với tấm lòng vui mừng và tạ ơn Thượng Đế ông nội nói: "Ngày hôm nay trùng hợp với ngày, tháng và năm sinh của Thiên Sứ Muhammed, xin cầu cho Ngài được an phúc. Và hôm nay 40 phát súng chào mừng của đại bác sẽ được bắn tại các dinh thự của Surakarta và Yogyakarta để tưởng niệm ngày sinh của Thiên Sứ (Muhammed), cầu xin cho Ngài được an phúc".

Sau khi đứa bé được tắm gội, ông nội đặt bế nó trong lòng và nói: "Tôi sẽ chăm sóc thằng nhỏ này và luôn luôn giữ nó gần tôi".

Đứa bé được đặt tên là Sukarno. Tuy nhiên, bởi nó thường đau ốm, tên nó được đổi thành Muhammed Subuh do một ông lão tung tích huyền bí mà không ai biết được. Ông nội chấp nhận việc thay tên với một tấm lòng miễn nguyện, vì ý nghĩa của nó hoàn toàn phù hợp với thời gian đứa bé sinh ra: bình minh. Sau đó, đứa bé được mạnh khỏe và hạnh phúc.

Đó là những điều mẹ tôi đã kể cho tôi hay về lúc tôi được sinh ra.

2 Đối với người Java đó là điềm báo trước những điều xấu hại sẽ tới.

3 Lịch của người Java có 5 ngày: Pon, Wage, Kliwon, Legi, Pahing. Ta nhận thấy một chu kỳ 35 ngày khi ngày trong tuần lễ của người Java trùng hợp với Tây lịch, chẳng hạn cứ 35 ngày là có một ngày thứ bảy Wage. Đối với người Java sự trùng hợp đó được coi như điềm lành và sự tính toán thời gian cho những biến cố trọng đại như cưới hỏi, chuyển nhà vân vân... một việc làm đã được quy định theo chu kỳ đó.

4 Tháng thứ 3 theo lịch Hồi giáo

5 Lịch người Java theo một chu kỳ 8 năm; Alip, Eke, Jinawal, Je, Dhal, Be, Wawu, Jimmakir.

Chương 2

Thời niên thiếu

Mẹ tôi kể cho tôi hay là sau khi ông nội Raden Mas Sumowardoyo đem tôi về nhà nuôi, lối tiêu xài hoang phí của ông chợt mất đi như sự biến mất của sương mai gặp phải tia nắng mặt trời mọc. Vì vậy mà bà nội tôi hết lòng cưng chiều tôi.

Tình thương dồi dào mà bà nội tôi đã dành cho tôi đã tạo nên những sự bất mãn trong số những thân nhân gần gũi nhất thuộc gia đình bà. Ta cũng nên hiểu ở đây là bà nội không phải là mẹ ruột của cha - bà đã lấy ông nội Raden Mas Sumowardoyo sau khi ông dời chỗ ở với con cái mình tới Kedungjati.

Bà nội tôi được gọi là Raden Nganten Sumirah, xuất thân từ quận Buyaran của Demak. Khi lấy ông nội Raden Mas Sumowardojo, bà đã có con - trong số đó có một người con gái tên là Partini, bà này sau này lấy Raden Sujio, một nhân viên của công ty xe lửa Nederlands Indische Spoor Maatschapij (N.I.S), ông này sau này làm trưởng ty trạm Telewah, Surakarta.

Trở lại tình thương đặc biệt mà Raden Nganten Sumirah đã dành cho tôi: sức mạnh của nó đã được minh chứng khi tôi còn làm việc cho N.I.S tại Surabaya năm 1917. Bà nội đã thấy mình lâm bệnh trầm trọng, bà sai bảo phải gửi cho tôi một điện tín hối thúc tôi ngay lập tức trở về Kedungjati thăm bà. Tôi tới Kedungjati, đi

thẳng tới nhà bà nội và làm lễ sungkem trước mặt bà. Hình như bà không thể cầm mình được lâu hơn, trong một cơn xúc động bộc phát bà đã ôm siết lấy tôi, khóc nức nở và nói " Subuh ơi, cháu đã đến. Bà phải gặp cháu trước khi lìa khỏi thế gian này. Sau khi bà mất, cháu hãy luôn luôn cầu nguyện cho bà, có thể bà sẽ được Thượng Đế thương xót và tha thứ cho những tội lỗi đã phạm trong khi còn sống trên thế gian".

Tôi không nói nên lời và chỉ có thể cúi đầu. Bà nội tôi nói tiếp " Trong tủ đựng chén bát bà đã cất giữ cho cháu một chiếc nhẫn ngọc, một sợi dây đồng hồ bằng vàng và một vài thứ nhỏ mọn khác". Chỉ tới lúc đó tôi mới đáp: " Thừa nội, cháu thành thật cảm ơn nội cho những thứ đó, nhưng tốt hơn hết nội hãy giữ cho mình và nếu cần đem bán đi để đáp ứng những nhu cầu của nội".

Đó là tình thương bà nội đã dành cho tôi, một tình thương từ bên trong tâm hồn bà. Sự thật, khi còn nhỏ tôi đã được ông bà nội cưng chiều khiến tôi hư hỏng.

Tôi cũng nên giải thích ở đây là "ông nội" Raden Mas Sumowardoyo thật sự là bác nội tôi - người anh ông nội ruột tôi là Raden Mas Sumosuputra(Sutodirono). Vậy thì ba tôi là cháu, không phải là con ruột ông ta. Mặc dù vậy, ba tôi đã được ông nội Raden Mas Sumowardoyo nuôi lớn từ khi còn bé.

Trở lại câu chuyện của chính tôi, tôi đã có một thời niên thiếu khá kỳ lạ. Mỗi khi được bà nội dẫn theo cho đi ăn cưới, tôi thường bình luận về việc cô dâu chú rể có hợp nhau hay không. Bà nội cấm tôi không được bình luận về những việc đó, nhưng trên thực tế, nó đã trở thành sự thật. Khi tôi nói cặp nào không hợp nhau thì chẳng bao lâu họ ly dị nhau. Sau một thời gian, bà nội nhận thấy những điều tôi nói là sự thật với hậu quả là tôi không được cho đi ăn cưới chung với ông bà nội nữa.

Tôi còn thấy được những điều mà những đứa bé đồng niên không thể thấy được. Có những lúc tôi không thể nói được những câu có ý nghĩa xấu. Tôi đã nghiệm được điều đó ngay cả trong lớp học - miệng tôi như bị cứng lại, nếu tôi phải nói một số câu nào đó, tôi bị thầy giáo la mắng. Hơn nữa, đôi khi tôi đã thốt ra những câu nói mà mình không hiểu được.

Về việc học hành của tôi: khi tôi còn nhỏ thì không có một trường học nào tại Kedungjati, khiến tôi phải đến Semarang ở với một trong những người thân của bà nội có một địa vị tốt tại đó. Nhưng trước khi tôi có thể tới học tại trường Hòa Lan Europeesche Lagere School, bà nội tôi đến và đem tôi trở về Kedungjati, vì bà không thể chịu nổi cảnh xa cách tôi. Vậy trong một thời gian, tôi đã không được đi học, mặc dù rất muốn học. Thật may mắn, người con một người hàng xóm của ông nội vừa mới tốt nghiệp tại trường Hòa Lan ở Ambarawa và ông trở về quê cha tại Kedungjati. Ông làm việc tại Bộ Kiểm Lâm và buổi chiều ông thường dạy học những thiếu nhi trong làng. Vậy trong một thời gian tôi đã đi học tại nhà ông hàng xóm của chúng tôi.

Khoảng 5 hoặc 6 tháng sau, một vài đứa bé đồng niên với tôi được cha mẹ gửi tới học tại Ambarawa. Chúng tôi đi thật sớm mỗi sáng và trở về nhà lúc chiều bằng xe lửa. Vì Ambarawa không có một trường học Hoà Lan dành cho thiếu nhi bản quốc, nên chúng tôi đã học tại một tư thực Hoà lan.

Hai năm sau một trường học của nhà nước được mở tại Kedungjati. Đó là một trường tiểu học và những bài học được dạy bằng tiếng Java hoặc Mã Lai. Với sự chấp thuận của song thân, tôi được đem khỏi tư thực ở Ambawara và được đăng ký tại trường học mới ở Kedungjati. Tôi đã học xong ban tiểu học, nhưng lại phải học lại một vài môn học bằng tiếng Hoà Lan tại ngôi trường mới được mở là Holland Inlandsche School (H.I.S) ở Ambarawa. Tôi tiếp tục học tại đó hoàn toàn bằng tiếng Hoà Lan, vì các thầy giáo đều là người Hoà Lan.

Thật may mắn, người anh của mẹ tôi, Bapak Daslan Prawirakusuma, làm việc cho N.I.S ở Semarang và được phái về Ambawara. Cho nên, tôi không còn mỗi ngày phải dùng xe lửa đến Ambawara nữa, mà có thể ở chung với ông.



Chương 3

Kiểm việc

Năm 1917 tôi nhận được tin từ Kedungjati cho hay ông nội Sumowardojo đã qua đời, hưởng thọ được 80 tuổi. Tin đó khiến tôi bị xúc động mãnh liệt, bởi tôi đã không được nghe nói bất cứ điều gì về căn bệnh của ông. Sau khi ông nội mất, tôi không còn muốn học nữa. Trong thâm tâm tôi chỉ muốn đi làm và quyết định là sau khi kiếm được việc làm, tôi sẽ học bất cứ những gì cần thiết trong lúc đi làm.

Một đêm trong khi đang nằm ngủ không chăn chiếu trên sàn nhà trống trải, tôi thấy hình như là trong giấc mơ có một ông lão mặc đồ đen tiến lại phía mình. Khi tới gần tôi ông lão nói: "Con sắp đi khỏi nơi đây để đi làm, nhưng con hãy luôn luôn nhớ là sau này con sẽ nhận được một đặc ân của Thượng Đế và sẽ trở thành một nhân vật được kính trọng." Lúc đó tôi tỉnh ngủ, ngồi dậy và thấy ngạc nhiên về ý nghĩa của những chỉ dẫn trong tâm mình. Ngày hôm sau tôi thức dậy với giấc mơ còn vấn vương trong suy tư.

Kết quả của giấc mơ là chẳng bao lâu tôi tự hồi thúc mình đến xin Bapak Prawirakusuma cho mình được phép đi khỏi Ambarawa để trở về Kedungjati. Ông đã chấp thuận lời xin của tôi.

Tôi ở một thời gian tại Kedungjati, rồi đến Solo, nơi tôi ở với một người chú là Bapak Sastratioso cũng làm việc cho N.I.S. Tôi không thể kiếm được việc làm tại Solo, nhưng may mắn là tôi đã gặp được Bapak Reksodiharja làm trưởng ty tại Kalitidu gần

Bojonegoro. Bapak Reksodiharja là một người anh cùng cha khác mẹ của bà nội tôi, và ông đã đến Solo làm ăn. Ông hỏi là tôi có muốn trở về Kalitidu với ông hay không để làm việc tại đó trong thời kỳ thử việc. Tôi trả lời là mình thích làm điều đó và chúng tôi cùng nhau lên đường trở về Kalitidu.

Tại Kalitidu tôi bắt đầu công việc tập sự. Tôi chuyên cần và trong một thời gian ngắn tôi đã hiểu được thực chất công việc tại đó. Trong lúc tập sự nghề nghiệp, tôi tiếp tục làm prihatin để có thể kiếm được việc làm lâu bền tạo phương tiện đáp ứng được những đòi hỏi của cuộc sống.

Một đêm tôi có một giấc mơ. Trong giấc mơ tôi thấy một đoàn lính đi ngang qua với một viên sĩ quan đeo kiếm bước theo nhịp với đoàn lính. Đột nhiên viên sĩ quan phóng thanh kiếm vào người tôi và tôi lạnh lẽo chập được nó. Tôi giật mình thức dậy. Sau một thời gian ngắn tâm tôi yên tĩnh trở lại và nằm xuống ngủ tiếp. Ngày hôm sau tôi đến trạm ga như thường lệ để giúp việc cho Bapak Reksodiharja.

Sáng hôm đó có nhiều người đang đứng đợi chuyển tàu Cepusurabaya đến. Ngay sau khi nó tới, người hành khách này xô đẩy người nọ để kiếm cách trước tiên bước lên tàu. Giữa đám đông đang chen chúc lên xuống, một người Hoà Lan xách cặp bước xuống từ toa thượng hạng và tiến thẳng về phía văn phòng trạm ga. Ông nhìn tôi khi đi ngang qua, bởi tình cờ tôi đi về phía ông. Tôi cảm thấy bất an, vì trông ông có vẻ là một thượng cấp của N.I.S được phái tới để thanh tra việc làm của ông trưởng ty Bapak Reksodiharja.

Tôi đã đoán đúng, người Hoà Lan đó là một viên thanh tra của N.I.S. Ông có bốn phen thanh tra những trạm ga trên đoạn đường Gundi-Surabaya. Ngay sau khi tàu đi khỏi Kalitidu, ông bắt đầu thanh tra việc làm của Bapak Reksodiharja.

Sau một thời gian ngắn, Bapak Reksodiharja kêu tôi tới gặp mặt viên thanh tra. Hình như đã hoàn thành xong bốn phen thanh tra, ông hỏi han về thân thế tôi. Ngay lúc đó tôi cảm thấy lo sợ hơn, có lẽ tôi sẽ bị khiển trách là đã có mặt trong văn phòng trạm ga, khi chưa là nhân viên của N.I.S.

Tôi đứng trước mặt viên thanh tra và ông hỏi tôi là có muốn làm việc cho N.I.S hay không. Tôi trả lời câu hỏi của viên thanh tra và nói: `Thưa ông, tôi sẵn sàng làm bất cứ công việc nào ông giao cho, và tôi xin trước tiên được bày tỏ lòng tri ân của mình về tất cả những gì được ông giúp đỡ`.

Để khiến cho mọi việc khởi đầu trôi chảy, tất cả đã xảy ra hết sức nhanh chóng. Một tuần lễ sau tôi nhận được chứng minh thư của văn phòng thanh tra N.I.S ở Surabaya và được phái tới làm việc tại Bojonegoro. Rồi tôi được thuyền chuyển tới Semarang để tập sự. Khi hiểu biết đầy đủ, tôi được thuyền chuyển trở lại Surabaya, nơi tôi ở với Bapak Harjowijoyo cũng là một nhân viên của N.I.S.

Chương 4

Đi tìm đạo

Tôi vừa được 17 và đang thích thú làm việc. Điều duy nhất khiến tôi thất vọng là không thể học kế toán như mong ước, vì công việc của tôi tại ga xe lửa đôi khi từ 4 giờ sáng cho tới xế chiều, đôi khi từ 8 giờ sáng cho tới 8 giờ tối. Vậy sau một thời gian tôi cảm thấy bồn chồn phải sống ở Surabaya.

Hơn nữa, bệnh dịch hạch phát ra. Ngày này kế tiếp ngày nọ, càng lúc càng có nhiều người bị đau ốm, và có nhiều người chết. Nỗi lo sợ càng khiến cho tôi ước muốn thêm được đi khỏi Surabaya.

Một người bạn nhận thấy và hiểu biết được cảm xúc của tôi; anh đề nghị tôi đi với anh đến thăm một ông lão được gọi là Kiai Sapuanguin, khiến tôi nhận được một sức mạnh nội tâm để đối phó với cái tình trạng đáng sợ đó. Cuối cùng tôi chịu theo đề nghị của bạn mình, và cùng nhau chúng tôi đi tới nhà nhân vật đó. Một điều kì lạ xảy ra, khi chúng tôi đến nhà ông: ông chạy ra ngoài, ngồi xuống trước mặt tôi và nói: "Sư phụ, xin tha thứ cho đệ tử, đệ tử bắt buộc phải hành động trước khi sư phụ muốn, nhưng bây giờ sư phụ có mặt nơi đây, đệ tử sẽ trao mọi việc cho sư phụ."

Tôi sửng sốt; tôi không ngờ là một điều kì lạ như vậy có thể xảy ra. Những cảm xúc của tôi có phần lúng túng, vì nhiều người có mặt ở đó đang nhìn. Tôi đáp bằng cách nói: "Thưa ông, tôi không hiểu ông muốn nói gì. Tốt hơn là chúng ta nói về chuyện đó một

lúc khác, vì tôi đến đây chỉ để cho được làm quen”.

Ông lão đứng lên và nói: “Như sư phụ muốn, nhưng đệ tử mong sư phụ sẽ trở lại nhà đệ tử.”

Tôi vội vã ra đi, có anh bạn mình đi theo. Khi đi chung với nhau, anh hỏi: “Anh thực sự là ai? Anh là con trai của một người địa vị cao, như một hoàng thân? Kia Sapuangin gọi anh là sư phụ, khi ông đã chưa từng gọi ai như vậy.”

Tôi trả lời câu hỏi của bạn mình bằng cách nói: “Tôi chẳng hiểu tại sao ông lão lại kêu mình là sư phụ; tôi chỉ là một người bình thường như anh biết. Vậy đừng kéo dài cuộc tranh luận này, hãy nói về một điều gì khác để chúng ta có thể nhanh chóng về nhà và nghỉ ngơi.”

Ngày tháng trôi qua, tôi càng lúc càng thấy bồn chồn ở Surabaya, nên tháng 10 năm 1918 tôi xin nghỉ việc để trở về nhà ở Kedungjati.

Tôi được hồi sức ở Kedungjati cho tới khi thấy được bình an trở lại, và thể chất tôi thì lấy lại được sức khoẻ. Tiếp theo, tôi đến Semarang kiếm việc làm. Thật may mắn, tôi kiếm ngay được việc trong một văn phòng thương mại. Thậm chí lương của tôi còn cao hơn lương ở Surabaya.

Tôi ở Semarang một thời gian ngắn với những thân nhân đã ở đó nhiều năm. Kế đến tôi đến ở quận Mlaten Tiangwi, rồi quận Sompok. Một khi đã được ổn định trong một căn nhà thuê mượn ở Sompok, và cảm thấy có khả năng nâng đỡ cha mẹ, em trai và gái mình, họ vẫn còn ở Kedungjati, tôi đem mọi người tới Sompok. Thực sự tôi ước muốn được sống với cha mẹ và các em trai và gái mình. Tôi quen biết được nhiều người bạn ở Sompok, trong đó có một thanh niên theo đạo Công giáo. Chúng tôi thường gặp mặt và trở nên rất thân thiết. Một hôm anh xin được đọc chỉ tay của tôi. Ban đầu tôi từ chối, vì không thích cuộc đời mình được tiên tri. Mặc dù vậy, anh quả thực muốn được đọc, vì anh nói rằng đã trông thấy những dấu hiệu lạ thường nơi tôi. Vậy, vừa mỉm cười, tôi vừa chia bàn tay ra cho được đọc. Anh nghiên cứu kĩ lưỡng các đường và ngón tay của đôi tay. Kế đến anh gật gù và nói: “Anh có thể chấp nhận hay không tùy ý: dựa trên những gì tôi đọc được,

anh là đấng cứu thế Wisnu Murti⁶ được đầu thai. Ngài chính là vị đem đến sự an vui và thanh tịnh cho một kẻ trong tình trạng hỗn loạn, và Ngài chính là vị hướng dẫn ta tới một hướng đi chân chính và lợi ích cho cuộc sống.”

Lập tức, tôi mỉm cười trả lời: “ Ừa, thật vậy sao! Tôi chỉ là một người bình thường; làm sao có thể như vậy được.” Tôi nhanh chóng thay đổi đề tài, và chúng tôi nói chuyện tới đêm.

Một đồng nghiệp của tôi trong văn phòng, anh Kadarusman Edhikusuma, theo điều anh tự nói về mình, tình cờ là một người thích nghiên cứu thần bí học. Do đó mà tôi thường đến thăm anh tại tư gia ở Petelan Rejosari, để chuyện trò với anh cho tới đêm khuya. Bản tính là một người rất ham thích những vấn đề đó, nên tình bạn với Kadarusman Edhikusuma càng lúc càng thân thiết hơn; ngay cả sau khi tôi thay đổi công ăn việc làm và đến Toà Thị Chính, chúng tôi vẫn còn thân nhau.

Việc tôi chuyển từ văn phòng thương mại ở Semarang qua Toà Thị Chính xảy ra ngày mùng một, tháng một, năm 1920. Tôi có ở đó một chân trong ban kế toán. Cuối cùng tôi có cơ hội hoàn thành ước nguyện của mình là học kế toán.

Tuy bắt đầu học kế toán, nhưng tôi vẫn còn thích học những đường lối tâm linh dẫn tới một cuộc sống toàn thiện, nên tôi có khuynh hướng coi đó là ưu tiên và duy trì tình bạn thân thiết với Kadarusman Edhikusuma.

Năm 1921, nhờ một người bạn trong công sở, tôi được cho làm quen với một phong trào tâm linh gọi là Setia Hati, viết tắt SH, một điều dựa trên võ thuật pencak silat. Tôi rất thích nhóm đó và xin gia nhập. Vậy đó, điều đó là như vậy: tôi vẫn còn trẻ, và trong khi điều phong trào đó tập luyện là võ thuật, nên tôi thấy đó là điều cần thiết, nếu mình có thể tự vệ và chống đỡ một cuộc công kích bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, nhờ ân huệ Thượng Đế, tôi đã chưa từng phải đánh đấm trong đời mình.

Năm 1922 tôi đến ở một căn nhà tại quận Pandean Lamper của

6 Wisnu Murti hay Dewa Wisnu là một vị thần Hindu trong huyền thoại Mahabaratha.

Semarang, tuy vẫn còn phải thuê mướn. Tôi cần được ở gần văn phòng của mình, cũng như ở gần căn nhà của Kadarusma Edhikusma. Sau khi tôi đến Pandean Lamper ở, ba tôi mang bệnh và mất chẳng bao lâu sau đó. Ông được mai táng tại nghĩa trang Sompok gần Pandean Lamper.

Đầu năm 1923, một người bạn trong văn phòng, anh Saelan Sastroatmaja, mời tôi đến làm quen với Sunariodigdo, một thành viên kì cựu trong phong trào tâm linh của anh, một người sống trong xã Mertojayan. Sunariodigdo nhận tôi là môn đồ của Kiai Demang Poncokartoko. Người ta nói nhân vật đó là vị hướng đạo tâm linh của Kanjeng Gusti Pangeran Adipati Anom Mangkuneraga đệ ngũ, quốc vương của Surakarta.

Tôi không được thụ giáo bởi đích thân Kiai Demang Poncokartoko, nhưng bởi Sunariodigdo là một đệ tử kì cựu nhất của ông. Trong một khoảng thời gian ngắn, tôi có những chứng nghiệm mà thông thường chỉ một đệ tử lâu đời mới nhận được. Chẳng hạn, một đêm khi đang thiền định, tôi cảm thấy như mình đang ở dưới đáy biển và trông thấy một đứa bé đến gần mình. Nó nói với tôi đó là một chứng nghiệm tốt, trên thực tế đó đúng là loại chứng nghiệm mà tất cả những môn đồ khác đều mong ước.

Và điều đó cứ tiếp diễn: hầu như mỗi đêm thiền định tôi đều có một chứng nghiệm kì lạ. Một lần tôi gặp được biểu hiện của một người cao lớn như một ngọn núi. Bất cứ lúc nào tôi hỏi người huynh trưởng về ý nghĩa của những chứng nghiệm đó, anh đều nói rằng sau này tôi sẽ nhận được giải đáp của chính những sinh linh đó.

Một đêm, trong một buổi họp của tất cả các môn đồ phong trào Poncokartanan, Sunariodigdo tuyên bố là đạo hữu Muhammad Subuh sẽ sắp rời bỏ phong trào. Tôi chẳng nói gì hết, và chỉ việc yên lặng. Thực vậy, những gì ông nói là sự thật, và tôi quả thực rời bỏ phong trào chẳng bao lâu sau đó.

Tôi lại đến thăm anh bạn Kadarusman. Một đêm nọ, tôi đang có mặt tại nhà anh, thì vị sư phụ của anh thuộc xã Beddodo gần Demak đến. Theo Kadarusman, vị hướng đạo đó là hậu duệ của

một chiêm tinh gia trong thời quốc vương Bintoro của Demak⁷ (***) và ông có thể thấy trước được tương lai. Chúng tôi chỉ vừa được cho làm quen với nhau đêm đó, nhưng mặc dù vậy, tôi chuyện trò với họ cho tới đêm khuya.

Khoảng một tuần sau, anh bạn Saelan Sastraatmaja và tôi quyết định đi Bedodo, trong quận Buyaran gần Demak, cái thôn xã nơi sư phụ anh ở. Chúng tôi đi khỏi Semarang ngày thứ bảy lúc 3 giờ trưa và đến Bedodo khoảng 9 giờ tối. Kadarusman nói với tôi tên của vị kiai đó là Kiai Saman, vậy việc xác định được vị trí căn nhà của ông là một chuyện đơn giản. May mắn cho chúng tôi là ông có mặt ở nhà, và tiếp đón chúng tôi một cách nồng hậu. Ông hỏi chúng tôi đến để làm gì, chúng tôi đáp mục đích cuộc viếng thăm của mình là xin được nhận là đệ tử. Chúng tôi sẽ để cho vị kiai tự ý định đoạt những gì sẽ giảng dạy cho mình, vì chắc chắn ông biết được tình trạng đích thực của chúng tôi.

Kiai Saman mỉm cười đi mỉm cười lại, rồi nói: "Sự thật, Raden, anh không cần học hỏi nơi tôi. Điều anh đang kiếm đã có bên trong bản chất anh, và anh chỉ việc chờ đợi cho tới đúng lúc."

Tôi lặp lại sự yêu cầu của mình: "Kiai, tôi tin những điều ông nói, nhưng vì có mặt nơi đây chúng tôi hết sức coi trọng điều này, và sẽ làm theo bất cứ những gì mà ông muốn truyền cho chúng tôi bằng cách khuyên răn."

Kiai Saman trầm lặng trong một lúc như đang tham thiền, rồi ông đứng lên và bảo chúng tôi đứng hướng về phía đông, trong khi ông đứng hướng về phía tây, khiến cho chúng tôi đối mặt nhau. Chúng tôi lan tễ đứng lên và làm như ông yêu cầu. Khi cả hai chúng tôi đều đối mặt với vị Kiai, ông nói thăm điều gì một cách êm ái. Ông trở về vị trí ban đầu của mình, và lặp lại điều đó. Kế đến là tới phiên Saelan Sastraatmaja.

Sau việc đó, chúng tôi ngồi bên ngoài trên một cái bục rộng lớn bằng tre – đó là tất cả những gì có thể ngồi lên được ở các thôn xã. Trong khi ngồi chung nhau, chúng tôi nhâm nhi cà phê nóng.

7 Quốc vương Bintora của Demak nổi tiếng về việc quyết định đi tìm đạo, thay vì trở thành một ông vua.

Vị kiai khuyên bảo chúng tôi một vài điều theo đó chúng tôi nên thực sự thi hành những bổn phận của mình trong đời sống, những bổn phận bên ngoài cũng như những bổn phận bên trong, hay tâm linh. Như vậy cuộc sống chúng tôi trên thế gian này sẽ được ngăn nắp và thịnh vượng, và tại thế giới bên kia chúng tôi sẽ tìm thấy con đường phải đi như đã được Thượng Đế quy định. "Bên trong cái chân tâm của mình" vị kiai nói " con người có thể tìm thấy tất cả những gì mình cần cho cuộc sống; con người chỉ cần tiến hành một cách kiên trì và tin tưởng."

Sau gần một tháng, chúng tôi trở lại gặp Kiai Saman một lần nữa. Nhưng cuộc gặp gỡ lần thứ hai không có một kết quả nào khác ngoài việc tôi được khuyên bảo thêm. Lời khuyên đó chỉ là việc tôi không nên bỏ bê việc phụng thờ Thượng Đế. Vị kiai tiếp tục nói rằng mình không xứng đáng chỉ dạy cho tôi bất cứ gì, vì theo điều ông nhìn thấy trong nội tâm, tôi đã đứng trên ông rất cao và có một hào quang chói sáng.

Đó là lời nói của Kiai Saman, một ông lão 80, dè dặt và minh triết. Ngày kế tiếp, chúng tôi từ giả để trở về Semarang. Sau khi chúng tôi đến Semarang, tôi nghe tin là ngay sau khi chúng tôi ra đi, vị kiai đã rời khỏi nhà để đến nghĩa trang Kadilangu, Demak, nơi ông qua đời. Ông được mai táng tại đó gần sự phụ mình.

Năm 1925 tôi được các bạn Kadarusman và Munandar khuyến khích trở thành đệ tử của một vị chân sư ở Ciberon, một người mà theo họ là một tôn sư về con đường của đời sống toàn thiện. Kadarusman đã tiếp xúc với vị tôn sư đó, nên ông truyền đạo của mình tại nhà của Kadarusman. Điều đáng tiếc là chỉ Kadarusman và Munandar được phép nghe những dạy bảo của ông; người nói với tôi là phải đợi chờ tới đúng lúc. Sau 3 tháng, vị tôn sư đó nói với Kadarusman là tôi không được phép trở thành đệ tử của ông, vì trong nội tâm ông đã thấy tôi là Bima⁸ sáng rực trên bầu trời.

Sau này trong năm 1925, những người bạn đó mời tôi đi kiếm một vị tôn sư sống trên sườn núi Kendalinoso. Hôm đó là ngày cuối của

⁸ Một nhân vật của huyền thoại, một trong 5 anh em của huyền thoại Hindu là Mahabaratha.

trai giới Ramadhan. Lúc 8 giờ sáng chúng tôi đi khỏi Semarang bằng xe buýt đến Yogyakarta. Khi đến một địa điểm trông thấy được một con đường nhỏ bé dẫn tới núi Kendalinoso, chúng tôi kêu xe buýt ngừng lại, và tiếp tục lên đường đi bộ.

Con đường đó có đoạn cuối tại một thôn xã nằm trên sườn núi. Nơi đó Kadarusman hỏi mọi người: " Ở đây có một ông cụ hay một vị tôn sư là Kiai Sidik Wacono sống trong khu vực này?" Nhưng anh luôn thấy người ta trả lời y như nhau là không ai biết gì hết. Tất cả chúng tôi đều nhất quyết tiếp tục kiểm; chúng tôi biết chắc là cuối cùng sẽ tìm thấy ông.

Chúng tôi đến một khu vực thoáng rộng là đất đai bỏ hoang, nơi chúng tôi gặp một ông lão mập lùn. Người đó mỉm cười khi đến gần chúng tôi và hỏi: " Điều gì khiến mấy huynh tới chỗ này?" Kadarusman cho hay là chúng tôi đang tìm kiếm một vị chân sư là Kiai Sidik Wacono, một người mà người ta nói là ở trên sườn núi Kendalisodo. Ông lão nói tiếp: "Quả thực có vị tôn sư đó, nhưng ông ở xa hơn nữa, thêm 2000 bước nữa từ nơi đây."

Người đó dùng ngón tay trỏ để chỉ khi ông nói. Rồi ông nói thêm: "Kiai Sidik Wacono là một người nhìn thấy được tương lai. Ông lớn tuổi hơn tôi nhiều: khi tôi còn là một đứa bé, tuổi tác ông trông như hiện nay. Có lẽ ông đã được trăm tuổi hay hơn. Mặc dù vậy, ông vẫn còn mạnh khỏe, mạnh khỏe hơn tôi. Cái tài của Kiai Sidik Wacono là ông có thể đọc được bản chất đích thực của bất cứ ai đến nhà mình. Chẳng hạn, nếu người khách thuộc dòng dõi quý tộc, ông sẽ đối xử với người đó như một người quý tộc nên được đối xử; nếu người khách là một kiai, ông sẽ đối xử với người đó như một kiai nên được đối xử; nếu người khác là một nhà thần bí, ông sẽ đối xử với người đó như một nhà thần bí nên được đối xử và vân vân. Vậy mấy anh hãy đặc biệt chú ý tới cách vị kiai chào hỏi và tiếp đón mình."

Kadarusman nói: "Thật là hay, Kiai, chúng tôi cảm ơn ông đã khuyên bảo." Rồi chúng tôi từ biệt ông. Điều khá lạ lùng là khi chúng tôi quay đầu nhìn lại, thì ông lão đã biến mất, tuy không đây một phút đã trôi qua, kể từ khi chúng tôi từ biệt ông. Và chúng tôi vừa tiếp tục đi vừa suy đoán: "Có lẽ ông lão là một thiên thần, hay một sứ giả của Kiai Sidik Wacono."

Điều đó là như thế, khi chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình tới cái thôn xã mà ông lão đã chỉ cho thấy. Cuối cùng chúng tôi đến được nơi đó. Chúng tôi giật mình trông thấy một ông lão đến phía mình, với bàn tay đưa ra để chào đón. Cùng nhau chúng tôi vào căn nhà có hình dáng một joglo của ông. Trong lúc đi ông lão nói: "Mấy huynh, tôi đã đợi mấy huynh được 70 năm. Vào đây và ngồi xuống đi; cứ ngồi chỗ nào mình thích."

Lời nói của vị kiai khiến tôi ngạc nhiên nhiều, vì hồi đó tôi chỉ mới 24 tuổi. Sau khi chúng tôi ngồi trên ghế, một người hầu bước ra mang những chén lớn những chén thông thường, và những chiếc bánh bằng gạo nếp lớn hơn những chiếc bánh thông thường.

Tôi thực sự lấy làm ngạc nhiên là tại một căn nhà hẻo lánh xa cách thành phố của một vị kiai, chúng tôi lại được cho ăn uống nhiều loại thức ăn, và còn trên những đồ sứ tinh xảo nữa. Rồi tôi nhớ tới lời nói của ông lão mà chúng tôi đã gặp nơi khu đất hoang vắng, nên tôi quyết định câm lặng và chỉ việc quan sát. Chẳng bao lâu chủ nhà đến và nói: "Nào, chúng hãy dùng đồ cúng hiến đơn sơ này."

Trước tiên, tôi mở nắp chén trước mặt mình. Tôi do dự trong một lúc, vì cái chén lớn đó đầy ắp, và tôi cảm thấy điều này có lẽ là một dấu hiệu về việc cuộc viếng thăm của chúng tôi tại nơi đây có kết quả đáng mừng. Hình như Kadarusman và Munandar cũng nghĩ như vậy.

Như điều thường xảy ra trong ngày trước lễ Idul Fitri⁹ nhiều người bắt đầu đến, nam và nữ, trẻ và già. Tất cả các khách đều chúc mừng idul fitri với vị kiai; ông chúc mừng trở lại và bảo mỗi người chào hỏi chúng tôi. Chúng tôi đưa tay lên chào họ, khi họ chào chúng tôi, vị kiai cố nài bằng cách nói thêm là ông đã đợi chờ 70 năm để 3 người chúng tôi đến. Họ tỏ vẻ ngạc nhiên, khi nghe được điều đó, họ càng ngạc nhiên hơn khi trông thấy tôi vẫn còn trẻ. Tôi lúng túng khi họ chăm chú nhìn mình.

Cuối cùng các khách idul fitri đều ra về, và chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Nhưng chẳng bao lâu chúng tôi được mời dùng cơm với vị kiai. Tôi cảm thấy bữa ăn chiều cũng quá mức dồi dào. Sau bữa

9 Lễ Hồi giáo đánh dấu sự chấm dứt của Ramadhan.

ăn chúng tôi yêu cầu được chỉ dẫn trong cuộc sống, khiến mình đạt được sự toàn thiện. Tuy nhiên, ông đáp là 3 người chúng tôi đã có đầy đủ dự liệu cho việc đó. Rồi ông chỉ thuật lại cho chúng tôi về những người xưa đã nhận được thiên khai. Ông nói thêm là chúng tôi chắc chắn sẽ tìm thấy những gì mình đang kiếm, nên chúng tôi luôn cư xử một cách kiên nhẫn, và quy thuận Thượng Đế một cách chấp nhận và chân thành.

Ngày kế tiếp, chúng tôi từ biệt để trở về Semarang. Vị kiai đi theo chúng tôi cho tới phía ngoài cổng nhà. Thật kì lạ: lúc đi về chúng tôi thấy một con đường dẫn mình thẳng tới con đường chính. Sau khi ngồi trên lễ đường trong một lúc không lâu, chúng tôi bắt được chuyến xe buýt từ Salatiga để về Semarang.

Đó là tình trạng cuộc sống mình, khi tôi vừa được 24.

Một lần nữa trong năm 1925, Munandar mời tôi tới Jatirogo để học hỏi dưới sự chỉ dạy của Kiai Abdurachman. Tôi đồng ý và đi với anh tới Jatirogo. Tôi được Kiai Abdurachman chỉ bảo một vài điều, ngoài ra thì không có gì hơn. Người ta nói rằng Kiai Abdurachman đã học được đạo của mình ở Wali Sunan Ampel của Surabaya¹⁰ Ông có thể đọc thuộc lòng với kí ức kinh Koran và những thánh thư khác, và đã bỏ nhiều đi đây đó để học hỏi về đạo Hồi.

10 Wali Sunan Ampel là một trong 9 vị wali, những vị thánh đã truyền bá đạo Hồi khắp Java và những hòn đảo khác.



Minh Thiên

Chương 5

Sự xuất hiện của Latihan Kedjiwaan

Trong những năm này, mặc dù còn thích tìm hiểu những vấn đề tâm linh, tôi vẫn tiếp tục học những môn học thế gian, có nghĩa là tôi thực hiện việc học kế toán, vì sự hiểu biết đó cần thiết cho việc làm hằng ngày của tôi.

Một đêm khi thường ngưng học và không còn phải tiếp đãi các bạn cùng chí hướng nữa, tôi xếp sách vở lại và đi dạo. Tên đường trở về nhà tôi đi qua con đường Kalisari Street dẫn tới quận Candi. Lúc đó vào khoảng một giờ đêm, ngay trước mặt bệnh viện công mới được xây cất, tôi giật mình nhận thấy một ánh sáng chiếu từ trên cao. Tôi ngước mặt lên nhìn và trông thấy một bầu ánh sáng màu trắng rực rỡ rớt xuống đầu mình. Thân thể tôi bắt đầu rung động, ngực tôi trở nên nặng nề. Tôi lo sợ là mình sẽ ngã xỉu trên đường. Tôi nhanh chóng bước về nhà, càng nhanh càng tốt. Nhưng khi tôi về tới nhà, sự rung động chấm dứt và ngực tôi yên lặng lại. Tôi gõ cửa và mẹ tôi lập tức tới mở và hỏi: "Sao trông con xanh xao vậy?" Tôi trả lời ngắn gọn: "Không có chi hết".

Tôi bước thẳng tới phòng ngủ và lên giường nằm. Tôi chắp tay trước ngực và quy thuận Thượng Đế. Thật kỳ diệu; tôi thấy toàn thân chứa đầy ánh sáng. Điều đó kéo dài được đúng nửa phút. Rồi tôi đứng dậy, nhưng không do ý chí mình, và bước về phía căn phòng tôi thường dùng để học hành và làm lễ. Tôi đứng tại đó và thực hiện hai lễ rakaats. Sau khi làm lễ xong, tôi lên giường nằm và ngủ.

Kể từ đó trở đi hầu như mỗi đêm tôi đều được đánh thức dậy và được làm cho cử động. Thực chất những cử động đó luôn luôn thay đổi. Đôi khi tôi được làm cho cử động theo những cử động của võ thuật. Tôi đã từng là một cao thủ về môn pencak silat, nhưng mỗi lần tôi nghiệm được thêm rất nhiều thế võ mới. Ngoài việc đó, tôi còn được làm cho nhảy múa, khiến tôi cảm thấy mình thực sự là một vũ sư. Không những chỉ có bấy nhiêu thôi, giọng nói tôi được tập luyện khiến tôi học được những âm thanh mới lạ và giọng nói tôi trở nên dịu dàng.

Những chứng nghiệm đó cứ tiếp diễn. Hầu như mỗi đêm khi tôi muốn đi ngủ, mắt tôi như là những cánh cửa sắp mở và một khi chúng đã mở, tôi nhìn thấy một quang cảnh xa xôi và rộng lớn đến nỗi tôi thấy được sự tận cùng của thế giới này. Khi sợ phải ngủ trong tình trạng đó, đôi khi tôi đã tự ép mình phải ăn cho nhiều để không còn trông thấy những điều đó nữa khiến tôi ngủ yên được.

Tôi đã không kể cho các bạn tôi hay về những biến cố đó vì nhận thấy chưa tới lúc.

Một lần nữa trong năm 1925 tôi lại tới Jatigoro. Một người bạn tôi đã kêu tôi đến, vì anh đau ốm. Chuyển đi đó không giống bất cứ một chuyến đi nào khác, bởi tôi đã bị xáo trộn mãnh liệt. Từ chỗ ngồi trong xe lửa, tôi có thể trông thấy một thiếu nữ ngồi cách tôi khá xa. Khi nhìn thấy nàng, mặc dù không hiểu tại sao, tôi nhận thấy một cảm xúc yêu thương nồng nàn. Đó thật sự là một sự xáo trộn mãnh liệt và trong lúc ngồi đó cảm xúc và tư tưởng tôi cứ hướng về nàng, khiến nàng thỉnh thoảng đứng lên để chỉnh lại cái kain bị gió thổi.

Một cách hết sức bất ngờ, khi xe lửa đậu tại trạm Pamotan, thiếu nữ, tự điểm sự chú ý của tôi, bước xuống. Nhưng ước vọng đi theo

nàng của tôi đã không được toại nguyện, bởi ngay sau khi bước xuống xe lửa nàng đã trèo lên một chiếc xe ngựa mà theo tôi đoán đã chờ đợi nàng .

Tôi đến Jatigoro và gặp bạn tôi, nhưng mối tình si trong lòng tôi đối với thiếu nữ không hề mất. Dù vậy, tôi tự buộc mình phải tiếp tục đi đến nhà Kiai Abdurachman.

Sáng sớm hôm sau tôi rời khỏi Jatigoro trên chuyến xe đầu tiên. Ngay sau lúc 8 giờ sáng chúng tôi đến Pamotan, nơi tôi xuống xe, vì tôi chỉ mua có một vé từ Jatigoro tới Pamotan. Tại Pamotan tôi tìm kiếm thiếu nữ, hy vọng là sẽ trông thấy nàng đi dạo hoặc đi chợ. Thật là xui xẻo, mặc dù đi tới đi lui mấy tiếng đồng hồ trong cái thành phố nhỏ bé này, tôi đã không tìm thấy nàng.

Cuối cùng tôi trở lại trạm ga và uống một chút cà phê nóng tại một quán ăn nhỏ bé ở đó. Trong khi uống cà phê và ăn bánh ngọt làm bằng gạo nếp, tôi hỏi người bán hàng có quen biết hay không thiếu nữ xuống xe hôm qua và lên xe ngựa đi. Thật hết sức may mắn, người bán cà phê biết thiếu nữ đó là ai. Ngay sau khi biết được rõ rệt những điều được cho hay, tôi mua một vé xe trở về Semarang.

Liên ngay sau khi trở về Semarang tôi đến thăm anh bạn Saelan Sastroatmaja là một người xuất thân từ Rembang. Tôi kể cho anh hay về những gì mình nhận thấy, khi cặp mắt tôi đặt lên mình thiếu nữ cùng trên toa tàu với tôi trong chuyến đi tới Jatigoro. Tôi cũng kể cho anh hay về những điều tôi biết được do người bán cà phê tại quán ăn của trạm ga.

Bà vợ của Saelan nói: "Nếu những điều người bán cà phê nói với anh đúng là sự thật, thì thiếu nữ đó là con gái người em trai penghulu của Pamotan và cô hiện nay còn đi học tại Rembang, nơi cô sống với người chú là penghulu của Rembang. Vậy có lẽ cô đã đến Pamotang để thăm cha mẹ".

Đó là những gì Ibu Sastroatmaja biết được về vấn đề đó và tôi quyết định; nếu Saelan không phản đối, tôi sẽ tới Rembang với anh để biết chuyện đó có đúng hay không.

Và khi cơ hội đến một vài một vài ngày sau, tôi và Saelan đến Rembang để ra mắt ông penghudu của Rembang. Cuộc thăm hỏi của chúng tôi đã được báo trước, vì Ibu Satroatmaja là em dâu người vợ của ông penghudu.

Ngay sau khi chúng tôi tới nhà ông penghudu, thức uống được một thiếu nữ đem ra. Tôi ngạc nhiên, nhưng thấy thoả mãn, vì thiếu nữ đem thức uống đó là thiếu nữ tôi tìm.

Tóm lại, đề nghị của tôi với Rumindah được chấp thuận và hôn lễ của chúng tôi được cử hành 10 tháng sau, ngày mùng 9 tháng 10 năm 1926.

Kể từ đó trở đi đời sống gia đình của tôi được toàn vẹn. Sau đám cưới, một thời vận hên đã tới, khiến tôi nhận được một công việc phụ làm kế toán, một công việc mà tôi có thể hoàn tất sau công việc tại Tòa Thị Chính. Công việc thứ hai đó tạo cho tôi một lợi tức khá, khiến cho những sự chi tiêu cho những nhu cầu của gia đình được đáp ứng đầy đủ. Tôi còn có thể xây được một căn nhà bằng gạch có hình dáng đẹp.

Đó là cuộc sống của tôi hồi đó khiến tôi kém hăng hái về những vấn đề tâm linh. Hơn nữa, mỗi khi Kiai Abdurachman tới Semarang và mỗi khi tôi xin ông chỉ giáo thêm cho mình, ông đều luôn luôn đáp là những điều tôi tiếp nhận được đã quá đầy đủ, và sau này tôi sẽ trực tiếp nhận được từ Sứ Giả của Thượng Đế.

Những lời nói của ông Kiai đã không khuyến khích tôi, trái lại, tôi còn cảm thấy bị xáo trộn vì không thể hiểu được một việc như vậy sẽ xảy ra như thế nào. Và tôi đã quyết định không gặp mặt Kiai Abdurachman nữa, nếu ông tới Semarang.

Và một đêm trong năm 1928, khoảng lúc nửa đêm tôi giật mình nghe thấy tiếng gõ cửa, may mắn là tôi còn thức. Khi tôi mở cửa, anh bạn cùng chí hướng là Raden Sudarmo Hadiprojo vội chạy vào, nắm lấy tay tôi và say sưa hôn hít nó. Chỉ sau khi ngồi xuống và bình tĩnh trở lại, anh mới giải thích cho tôi hay, sở dĩ anh chạy tới nhà tôi gõ cửa là vì trong khi đang ngồi chung với các đệ tử khác của Kiai Abdurachman để đợi tới phiên mình được gặp và được vị Kiai hướng dẫn, anh chợt giật mình trông thấy một hào

quang từ trên trời rớt xuống nhà tôi.

Đó là câu chuyện anh kể và sau đó anh hỏi: "Đó có phải là wahyu mà Thượng Đế ban cho huynh?" Tôi đáp: "Anh bạn thân, tôi không biết. Những vấn đề đó tùy thuộc Thượng Đế. Chúng ta là những con người chỉ có thể tuân theo thiên ý."

Hiển nhiên là vậy, Raden Sudarmo Hadiprojo tin là tôi đã tiếp nhận được thiên khai. Anh xin tôi tha lỗi cho việc làm vừa qua của mình và nói: "Huynh, đệ không đòi hỏi điều gì hơn là huynh có ý muốn hướng dẫn đệ."

Những ngày kế tiếp và sau đó nữa, sau khi Kiai Abdurachman đã đi khỏi Semarang, nhà tôi được các đệ tử của ông hầu như mỗi đêm tới thăm. Tôi chỉ coi những cuộc viếng thăm đó như những cuộc viếng thăm của các đồng môn là bạn tôi, dù vậy, nhờ gặp tôi họ đã tiếp xúc được với động tác của nguồn sinh lực mà tôi đã tiếp nhận và theo tập.

Chương 6

Sự tiến bộ của Latihan Kedjiwaan

Trong năm 1932 ngoài việc trả lời những câu hỏi của các đồng môn là bạn tôi, tôi vẫn đều đều tiếp nhận và tập theo những động tác của nội ngã mà sau này tôi gọi là latihan kedjiwaan. Tôi xin thuật lại dưới đây một số chứng nghiệm hồi đó mà tôi cảm thấy cần thiết đề cập tới.

Một đêm trong lúc đang trong tình trạng latihan kedjiwaan, một mặt biển mênh mông có sóng cao lớn hiện ra phía trước tôi. Ngay trước mặt, tôi trông thấy một đập ngăn nước với một cửa cống chĩa vào miệng tôi. Ngay lúc đó tôi bước về phía trước, cửa cống mở ra và nước tràn vào cái miệng mở ra của tôi. Trong một thời gian ngắn mặt biển mênh mông biến mất và tôi ở, một triệu chứng đầy bụng. Điều lạ lùng là tôi có thể ngửi thấy mùi nước biển.

Một đêm khác tôi chứng nghiệm được một điều khác hoàn toàn không giống như nói trên. Tôi đang đứng và vừa mới tiếp nhận xong latihan kedjiwaan, thì đột nhiên một người khoác áo choàng dài tiến về phía tôi. Ông cầm một cái lao mà ông phóng vào giữa ngực tôi. Nhưng tình trạng tôi không được bình thường như trong cuộc sống hằng ngày, cú phóng lao làm tôi đau đốn hết sức. Sau

một lúc ông rút cây lao ra và tôi trông thấy vật dính trên đầu lao là một cục máu nhỏ mà ông liệng đi. Rồi ông xò trong túi áo choàng và lấy ra một vật sáng chói. Ông đặt vật đó trong vết thương mà cây lao đã tạo nên, và rửa vết thương. Rồi ông đi mất. Thật lạ lùng, vì mặc dù tình trạng tôi được bình thường như trong đời sống bên ngoài, nhưng cú phóng lao đã tạo nên một sự đau đớn cực độ; sau khi vật sáng chói được đặt trong người, tôi cảm thấy một sự tươi mát kỳ diệu tràn ngập khắp toàn thân.

Sự thật, tôi đã nhận được một chứng nghiệm có tính chất tâm linh, nhưng tôi thấy không cần thiết phải giải thích tất cả ở đây, bởi nếu vậy thì điều đó sẽ khiến cho những con cháu của tôi đang đọc phải thấy chán. Tôi chỉ đề cập tới những điều mà mình cảm thấy là quan trọng và phi thường.

Một đêm khác, vào một lúc nào đó sau cái chứng nghiệm kể trên, sau khi tiếp nhận và tập theo tiến trình của latihan kedjwaan, tôi ngồi xuống thực hiện cái zikir. Đột nhiên tôi tiếp nhận được một cuốn sách to lớn như một cuốn địa đồ. Tôi mở cuốn sách và trên trang đầu nhận thấy một nhân vật khoác áo choàng, dưới có một hàng chữ Ả Rập. Trước khi tôi có thể đọc xong, hàng chữ đó biến thành mẫu tự La Tinh tạo nên những chữ: Thiên Sứ Muhammad, Sứ Giả của Thượng Đế. Thật lạ kỳ, khi tôi đọc xong những chữ đó, nhân vật khoác áo choàng gật đầu tán thành và mỉm cười. Ta có thể hiểu được là tôi đã hết sức lấy làm ngạc nhiên, vì chừng nào còn được sống, tôi đã chưa từng thấy một hình ảnh có thể cử động và mỉm cười. Tôi muốn đem ngay cuốn sách đó đến cho vợ mình coi, nhưng đã dẹp bỏ ý định đó; tôi sẽ đợi cho tới ngày mai.

Rồi tôi lật trang thứ hai. Trên trang đó có hình những người thuộc đủ màu da và chủng tộc. Tôi nhìn hình đó trong một lúc và những người đó trở nên sống động và họ cử động, mỗi người theo nhịp điệu đặc biệt của mình. Tôi lật trang thứ ba, có một hình khác tương tự hình trang hai. Những người trong hình này có sự sống, họ cử động và còn nói năng nữa, một số người làm lễ cầu nguyện, một số khác la hét van xin Thượng Đế tha thứ tất cả những tội lỗi của họ. Nội dung cuốn sách làm tôi kinh ngạc thêm, tôi đóng sách lại, xiết chặt nó trên ngực và nói: "Xin tạ ơn Thượng Đế đã có lòng độ lượng."

Tôi hoảng hồn, cuốn sách chợt biến mất, chỉ để lại một chút cảm giác nặng nề trên ngực tôi, rồi thì cái cảm giác đó cũng biến mất luôn. Đó là cái chứng nghiệm tôi đã nhận được.

Một thời gian sau, một chứng nghiệm khác đến trong một đêm, sau khi tôi tập xong latihan kedjiwaan. Tôi đang ngồi thực hiện zikir như thường lệ, thì chợt nhiên có một cuốn sách khác trong lòng mình. Cuốn sách đó giống như một cuốn từ điển. Trông nó rất dày, nhưng khi mở ra, tôi thấy nhiều trang, nhưng tất cả lại là giấy trắng. Tôi tự hỏi: "Có nhiều trang giấy để làm gì, khi không có chữ viết trên đó?"

Trước khi tôi có thể nháy mắt, chữ viết xuất hiện trên trang đầu tiên nói: "Cuốn sách này chỉ viết khi có một câu hỏi được đặt ra".

Tôi hoàn toàn sững sốt, vì không tin chút nào là điều đó có thể xảy ra được. Với tấm lòng quy thuận sự vĩ đại của Thượng Đế, tôi mạo muội đặt câu hỏi sau đây: "Mục đích và công dụng cuốn sách con đã nhận trước đây là gì và điều gì sẽ xảy ra cho con trong những năm tới?"

Tôi nhận được câu đáp: "Những hình trong cuốn sách đó là để chứng tỏ sau này con có bốn phận làm thức tỉnh những người muốn hối cải tất cả những tội lỗi của họ và quy thuận Thượng Đế với tấm lòng kiên nhẫn, phục tòng và chấp nhận."

Và tôi còn hỏi thêm một vài điều nữa. Trong số những câu trả lời nhận được, tôi được cho hay là một cuộc đại chiến sẽ xảy ra, sau đó Java và những đảo khác bị người Hoà Lan chiếm cứ sẽ được tự do. "Một khi chúng được tự do, con có bốn phận đi khắp thế giới để truyền bá latihan kedjiwaan mà con đã tiếp nhận và theo tập."

Đọc điều đó không khiến tôi cảm thấy hài lòng và vui thích. Trái lại, tôi cảm thấy hoàn toàn bất lực, tôi hướng về Thượng Đế và hối hận khóc lóc, bởi ngay lúc đó, tôi nhận thấy cái gánh nặng của bốn phận mà tôi phải thực hiện. Hơn nữa, tôi còn hỏi là làm sao mình có thể làm được điều đó, vì tôi chỉ là một kẻ dốt nát, nghèo kém, không có kiến thức.

Hết sức ngạc nhiên, tôi thấy những chữ viết sau đây trên trang

sách: "Con phải tin nơi thiên khải này, Thượng Đế có quyền hành đối với mọi việc, Ngài là đấng tạo ra vũ trụ và tất cả những gì có trong đó."

Và cuốn sách đó biến mất trong lòng tôi như cuốn sách trước.

Sau chúng nghiệm đó, nội ngã và tâm trí tôi không ngớt nghĩ ngợi về điều đó. Tôi thấy choáng váng; tôi chỉ là một kẻ hết sức bình thường, tôi không có kiến thức, tôi nghèo kém và chỉ có một địa vị thấp trong xã hội loài người. Nhưng nhờ ân huệ Thượng Đế, khi ngày biến thành tuần và tuần biến thành tháng, tôi nhận thấy mình chẳng còn cách nào khác hơn là tuân theo thiên ý.

Trong những năm trước năm 1932 tôi đã phụng sự các môn đồ là bạn mình của Kiai Abdurachman, cũng như các môn đồ thuộc những đạo phái khác, khiến họ vẫn còn coi tôi như một người thuộc phe họ. Sự thật, tôi đã trả lời những câu hỏi của những môn đồ của Kiai Abdurachman, cũng như của những môn đồ của Kiai Saman Bedodo và những sư phụ khác. Họ biết tới tôi qua trung gian những kiai hoặc sư phụ họ. Hồi đó tôi chưa khai mở¹¹ họ, vì cảm thấy mình còn thiếu kinh nghiệm và theo sự tiếp nhận của tôi, lúc đó chưa phải là lúc khai mở cho thiên hạ. Điều đó là như vậy trước năm 1932.

Tới năm 1932, trong một đêm thuộc những đêm mà một số đồng những môn đồ thuộc các đạo phái khác nhau thường dùng để tụ họp tại nhà tôi ở Bergota Kalisari, Semarang, một biến cố phi thường đã xảy ra phía trên nhà tôi. Bầu trời, trong sáng và có trăng tròn trước đó không lâu, đột nhiên trở nên u ám với mây đặc di chuyển theo đường xoắn ốc phía trên cách nhà tôi thật xa. Và một luồng ánh sáng chiếu xuống có hình thù một payung agung rực rỡ. Trong một chốc lát, ánh sáng biến mất và tiếp theo là một trận mưa dữ dội. Những người tụ tập trong nhà tôi đã tạ ơn Thượng Đế và xin Ngài che chở.

Ngày hôm sau chúng tôi nghe tin là một phần núi Jatigoro, gần Ungaran, đã sụp lở khiến cho một hồ nước bị lấp, sự sụp lở đó đã tạo nên những đồng ruộng bùn chôn vùi nhiều thôn xã. Tiếp theo là sự

11 "khai mở" một người trong Subud có nghĩa là đem người đó tiếp xúc với nguồn đại sinh lực.

phun lửa của núi Merapi tạo nên những đồng phún thạch nhận chìm nhiều thôn xã trong khu vực.

Sau này một cuộc tranh luận đã xảy ra giữa những môn đồ của Jatigoro đã chứng kiến biến cố đó. Khi trông thấy điều đó, mặc dù điều mà họ gọi là thiên khải đã được ban xuống cho nhà của Muhammad Subuh, họ cũng đã có mặt tại đó và chứng kiến điều đó, nhưng họ lại cảm thấy là tối thiểu phải có một vài người trong nhóm họ đã nhận lãnh được một phần nào thiên khải. Ta thấy điều này quả thực là vậy, khi Wignyosupartono rời Semarang để đến Yogyakarta ở, tại đó ông thực sự có thể khai mở cho thiên hạ. Ông gọi phong trào của mình là Kasunyatan và số đệ tử của ông gia tăng mỗi ngày. Sau này một đệ tử của ông tách khỏi nhóm để tự lập một phong trào của riêng mình gọi là Sumarah.

Chương 7

Thăng thiên

Từ 1932 trở đi tôi quyết định nghỉ làm việc, để có thể thực sự chuyên cần với cái latihan kedjiwaan mỗi đêm thường xuyên thay đổi loại thể và hình thức. Nhờ đó mà nội cảm và tâm cảm tôi được yên tĩnh hơn, và phó thác nhiều hơn cho sự vĩ đại và quyền năng của Thượng Đế.

Hình như điều này có vẻ là cần thiết đối với tôi. Bằng chứng về việc đó đến vào một đêm lúc tôi cảm thấy rất buồn ngủ, sau khi tiếp nhận và theo tập latihan kedjiwaan. Bất cứ ngồi đâu tôi đều thấy khó chịu, nên tôi thấy bối rối và có gì không được ổn định. Tôi liền nhận thức được đã tới lúc mình phải thực hiện điều gì mà Thượng Đế muốn, nên tôi đi vào phòng và nằm xuống, phó thác cho quyền năng của Thượng Đế.

Lập tức tôi cảm thấy bản thân mình trở nên dài hơn, rộng lớn hơn và bành trướng thành một khối cầu, và tôi chợt cảm thấy mình được lấy đi một vật gì to lớn, như một hòn ngọc được lấy khỏi chỗ đặt của nó. Tôi liền thấy mình trong một không gian rộng lớn. Đẳng xa phía trước tôi là một nhóm tinh tú trông như những kim cương của bông tai. Tôi tự hỏi mình cái đó là gì, và nhận được câu đáp điều tôi thấy là cái vũ trụ mình đã rời bỏ. Tôi cho là mình đã chết, nên liên tục nói: "Allahu Akbar, Allahu Akbar Allahu Akbar - Thượng Đế là Toàn Năng, Thượng Đế là Toàn Năng, Thượng Đế là Toàn Năng."

Với một tốc độ rất cao, tôi đi qua một khoảng dài rộng mênh mông. Phía trước mình tôi có thể trông thấy núi non – trông như những hình nón có ánh sáng, có bảy cái, cái này chổng lên cái kia, mỗi cái được nối với nhau bằng một dây thừng là ánh sáng màu trắng chói rục. Tôi đến gần cái hình nón thứ nhất và đi vào đó. Bên trong có thể trông thấy một toàn cảnh mênh mông, rộng lớn hơn nhiều những gì tôi thấy trước đó.

Nơi đó tôi trông thấy những sinh vật của Thượng Đế mặc đồ trắng và ca ngợi sự uy nghi và vĩ đại của Thượng Đế.

Tôi nhìn lên trên và trông thấy một ánh sáng chói lọi. Phía trước tôi trông thấy một hàng người là phái nữ mặc quần áo có ánh sáng. Họ cúi thấp đầu trước mặt tôi, trong khi ca hát và nhảy múa. Tôi hỏi họ muốn gì nơi mình. Họ đáp mình là vợ tôi.

Tôi sửng sờ. Tôi kinh ngạc tự nghĩ: "Mình không thể đã có những bà vợ đẹp đẽ và rục rờ như vậy." Hình như họ hiểu được sự bối rối của tôi, nên từng người họ cởi những quần áo bằng ánh sáng và để lộ bộ ngực. Tôi sửng sốt lần thứ nhì, vì phía dưới ngực họ có những chữ được viết: Muhammad Subuh.

Hình như tôi không được phép ở lại đó quá lâu, vì một lần nữa tôi được đem đi, và thấy mình đi vào từ phía dưới ngọn núi thứ hai, rồi tôi cứ đi lên cao và lên cao cho tới khi đạt tới ngọn núi thứ sáu, nơi tôi cảm thấy mình hoàn toàn không còn sức nữa.

Trong cái trạng thái hoàn toàn yếu mệt đó, tôi cảm thấy mình đang nói: "Allahu Akbar, Allahu kbar Allahu Akbar." Chỉ như vậy tôi mới đi vào cái hình nón thứ bảy. Nơi đó tôi không còn hướng đi và mục tiêu nào khác ngoài việc nói: "Allah, Allah, Allah." Nhưng từ nơi đó tôi có thể trông thấy bất cứ gì và mọi thứ tại một một chỗ rất xa xôi, kể cả cái thế giới mà mình đã rời bỏ.

Tiếp theo tôi cảm thấy có một thứ mà mình hiểu đó là một chìa khoá, nhập vào lòng bàn tay mình.

Từ đó tôi được làm cho di chuyển với một tốc độ cực kì cao, và chợt thấy mình trong những môi trường xung quanh là nơi tôi cảm thấy như được trở lại trạng thái bình thường.

Từ nơi đó tôi có thể trông thấy các tinh tú lấp lánh đàng xa phía dưới mình. Tôi hoảng hốt trong một lúc, khi nhận thức được đó không là tinh tú, mà là ánh sáng của Semarang.

Một khoảng thời gian sau, tôi đứng trên căn nhà của mình tại Bergota Kalisari, Semarang. Vì rất thường có thói quen đi với bàn chân và cảm nhận với ngón tay, nên tôi tìm cách mở những ngói nhà ra, nhưng thay vì vậy tôi lại thấy mình trong căn phòng mình thường dùng để làm lễ cầu nguyện và tiếp nhận latihan kedjiwaan. Nơi đó tôi đứng gần cái đồng hồ trên tường. Thời khắc là 4 giờ 25 sáng. Tôi đi ngay vào phòng ngủ, nơi tôi trông thấy mình đang nằm với hai tay chắp trước ngực. Trên trán tôi là một vật hình tròn to lớn như trái trứng gà, nó đang lấp lánh như Sao Phương Đông (Eastern Star) Một cách thận trọng tôi đến gần và hôn lên nó, và ngay lúc đó người hôn cùng với người được hôn đều tỉnh ngủ. Sau một giây lát, tôi thức dậy và chậm chạp bước vào căn phòng có đồng hồ. Thời khắc là 4 giờ 30 sáng. Tôi làm lễ tắm gội và lễ cầu nguyện lúc bình minh.

Sau lễ cầu nguyện lúc bình minh, tôi đang thực hiện cái zikir thì mẹ tôi đến gặp mình. Tôi nghe thấy bà nói thì thầm: "Cái gì vậy? Mẹ có thể ngửi thấy mùi gì thơm ngát." Bà nói tiếp: "Mẹ phải nói với con về một điều đã xảy ra hôm qua." Tôi đáp: "Thưa mẹ, tốt nhất là trước hết mẹ làm xong lễ cầu nguyện, rồi sẽ nói với con những gì mình nhận thấy." Sau khi làm điều đó, bà đến gặp tôi và thuật lại cho tôi hay những gì bà nhận thấy. "Lúc sáng thật sớm, mẹ thức dậy để đi cầu, nhưng đã thay đổi ý kiến vì trông thấy một lô những bóng đèn điện trong phòng. Khi chăm chú nhìn những ánh sáng đó, mẹ thấy đó không hề là ánh sáng, mà là những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời. Mẹ thấy hoảng sợ, nên lập tức nằm xuống trở lại và tiếp tục ngủ. Nhưng bây giờ thì mẹ muốn hỏi con, tất cả những điều đó có nghĩa là gì vậy?"

Tôi nói với mẹ mình rằng tất cả những gì bà đã nghiệm được là điều gì tốt, vì nó phù hợp với những gì tôi vừa nghiệm được.

Chương 8

Sự bành trướng ban đầu của Latihan Kedjiwaan

Chỉ sau cái chứng nghiệm đó tôi mới bắt đầu khai mở cho những người muốn tiếp nhận latihan kedjiwaan mà tôi đã tiếp nhận và theo tập. Hồi đó tôi có 4 người con:

Siti Rahayu, sinh ngày thứ ba Kliwon, ngày thứ 21 của tháng trai giới (Ramadhan) trong năm 1895, năm của Jimmakir - hoặc ngày 13 tháng 3 năm 1928, lúc 5 giờ sáng tại Bergota Kalisari, Semarang.

Haryono, sinh ngày thứ tư Legi, ngày thứ 24 của Apit, 1860 - hoặc ngày 23 tháng 4 năm 1930 tại Bergota Kalisari, Semarang.

Haryadi, sinh ngày thứ hai Legi, ngày thứ 27 của Jumadilakir, trong năm Je 1862 - hoặc ngày 8 tháng 8 năm 1933 lúc 8.05 giờ chiều tại Bergota Kalisari, Semarang.

Suharyo, sinh ngày thứ hai Pon, ngày thứ 23 của Apit 1863 trong năm Dhal - hoặc ngày 20 tháng 3 1933 lúc 5.30 giờ chiều.

Đầu năm 1935 gia đình tôi sống trong một thời gian ngắn tại Pamotan Rembang theo sự yêu cầu của cha mẹ vợ, kể đó chúng

tôi trở về Semarang.

Cuối năm 1935 người con thứ tư của tôi là Suharyo lâm bệnh và mất tại Semarang. Cháu được mai táng tại nghĩa trang Bergota. Cũng trong năm đó chúng tôi ở Bogor, nơi người con thứ năm của tôi là Siti Hardiyati được sinh ngày thứ sáu Kliwon, ngày thứ ba của Bakda Mulud 1866 - hoặc ngày 5 tháng 7 năm 1935 lúc 8 giờ 56 chiều tại Gang Buntu, Bogor.

Tại Bogor vợ tôi và tôi khai mở Mas Muntahir và vợ ông. Sự kiện là khi chúng tôi đến Bogor, Mas Muntahir đã mắc phải một chứng bệnh phổi không mấy trầm trọng nhưng khiến ông đau đớn. Nhờ latihan kedjiwaan căn bệnh đau đớn đó giảm bớt đi và ông có vẻ như được lành bệnh. Sau hai tháng Mas Muntahir cảm thấy mình hoàn toàn được mạnh khỏe.

Tôi cũng nên giải thích ở đây là khi Mas Muntahir được khai mở, ông đã nhận thấy một cú sốc trong nội tâm. Nếu xảy ra trong latihan kedjiwaan thì điều đó được hiểu là thanh lọc. Trong thời kỳ đó Mas Muntahir đã hoàn toàn thiếu tính tự chủ. Tuy nhiên, điều đó chỉ kéo dài có hai tháng, đó là một điều may, và tình trạng của Mas Muntahir đã không khiến cho người ta thấy sợ và phải đề phòng. Thông thường những người chứng nghiệm được điều đó bị coi là đã mất tri giác. Do đó mà việc những người theo tập latihan kedjiwaan phải luôn luôn có một tấm lòng kiên nhẫn, chấp thuận và hoàn toàn quy thuận quyền lực Thượng Đế, là điều quan trọng.

Sự thanh lọc bên trong mà Mas Muntahir đã nghiệm được cũng đã được bà vợ ông nghiệm được vài tháng sau, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn.

Sau khi những biến cố đó xảy ra trong gia đình của Mas Muntahir, những bạn bè và đồng nghiệp của ông trong ban kiểm lâm đổ xô đến, tất cả đều muốn được khai mở. Có lẽ họ đã hiểu được cái latihan kedjiwaan mà gia đình của Mas Muntahir nghiệm được, sẽ giúp ích được cho họ rất nhiều.

Tôi đương nhiên chiều theo ý muốn được khai mở của họ, và khi ngày tháng trôi qua, càng lúc càng có nhiều người theo tập latihan kedjiwaan tại nhà của Mas Muntahir. Tuy nhiên, chưa đến

lúc để latihan kedjiwaan có thể được truyền bá một cách êm đẹp, và mặc dù chúng tôi ở Bogor 18 tháng, latihan kedjiwaan chưa có nền tảng vững chắc. Thế cho nên chúng tôi đã trở về Semarang để sống tại căn nhà của tôi ở Bergota Kalisari.

Trong năm 1936 khi trở về Bogor, tôi chợt có ý muốn bán căn nhà của mình để về Wonosobo ở, nơi tôi sẽ mua một căn nhà, một vài mẫu đất với đồng lúa và trở thành một nhà nông. Và tôi đã đem nhà mình ra thị trường bán. Điều không may là trong một lúc lâu không có người nào muốn đến mua. Nếu có người mua thì họ lại thấy mất hứng thú vì khó khăn - chẳng hạn như xe của họ gãy bánh, hoặc họ lâm bệnh trên đường trước khi trông thấy nhà tôi. Sau này có một điều xảy ra mà tôi cho là kỳ lạ. Một hôm có một sayid đến thăm và có vẻ như muốn mua nhà. Viễn tượng đó khiến tôi rất hài lòng và tôi bắt đầu dọn dẹp những chỗ bề bộn trong nhà. Khi ông sayid đến, tôi mời ông vào nhà ngồi. Thay vì hỏi giá nhà là bao, ông cứ chòng chọc nhìn tôi. Rồi ông nói: "Thưa ông, tôi lấy làm tiếc, vì khi đến đây tôi đã thay đổi ý kiến trong việc mua nhà, tôi thấy những điềm không lành, nếu thực hiện ý định mình." Tôi thấy buộc phải hỏi ông điều gì đã khiến ông thay đổi ý kiến nhanh chóng như vậy. Ông đáp là đã trông thấy một hào quang thần thánh quanh người tôi, điều này có nghĩa tôi là một nhân vật có đức độ cao.

Tôi rất ngạc nhiên và hỏi: "Habib, xin lỗi, tôi chỉ là một người bình thường và thực sự cần tiền để mua một vài mẫu đất ở Wonosobo. Tôi có ý định muốn sống tại đó như một nhà nông và được tôn thờ Thượng Đế một cách an bình."

"Thế thì tốt!" ông habib nói "Nhưng tôi sẽ không mua căn nhà của ông với bất cứ giá nào. Thưa ông, còn về hoàn cảnh ông, nếu tôi có thể nói, thì ông đừng lo. Cuối cùng ông sẽ tìm thấy con đường chân chính và cao quý cho cuộc sống của ông. "Và ông từ già. Căn nhà của tôi tại Bergota Kalisari chưa từng được bán và tôi cùng với gia đình phải tiếp tục sống tại Semarang.

Năm 1936 Rumindah lâm bệnh và được song thân bà dẫn về Pamotan. Tôi đi cùng bà, đem theo đứa con út là Hardiyati. Căn bệnh của vợ tôi cho thấy là rất khó có thể chữa trị được và bà đã qua đời sau một thời gian ngắn. Bà được mai táng tại Pamotan.

Tôi trở lại Semarang, nhưng phải bỏ lại cháu Hardiyati, vì bà ngoại cháu, nhạc mẫu tôi, muốn chăm sóc và nuôi lớn cháu.

Năm 1937 tôi đến Surabaya theo lời mời của Mangunsudarso, một lão tướng và thủ lĩnh của phong trào Kiai Abdurachman ở Jatigoro.

Mangundarso đã mời tôi đến là vì, theo ông nói, nếu không được tôi môi giới, ông sẽ không bao giờ đạt được mục tiêu tối hậu trong cái đạo mà ông học được của Kiai Abdurachman ở Jatigoro. Vậy khi đến Surabaya tôi đã khai mở cho ông và ông theo tập latihan kedjiwaan.

Tôi không ở lâu tại Surabaya, dù vậy đã có rất nhiều người muốn theo tập latihan kedjiwaan.

Ngay sau khi trở về Semarang, tôi liền đến Yogyakarta, tại đó tôi đã khai mở cho nhiều hội viên mới, trong đó có Raden Mas Wiryodirjo, Kanjeng Raden Tumenggung Dirjodiningrat và Raden Ngaten Wignyopustoko.

Tôi cũng khai mở cho thiên hạ ở Solo (Surakarta), gồm có Raden Mas Ismangun, Raden Singgih, một nhân viên của hãng níc ken Carl Schliper, nhưng điều đó xảy ra trước khi đến Surabaya.

Tôi chỉ ở Yogyakarta trong một thời gian ngắn trước khi trở về Semarang để tiếp tục khai mở hội viên và tập latihan kedjiwaan chung với họ.

Sự bành trướng latihan kedjiwaan ở Semarang thật chậm chạp. Có lẽ tình trạng hồi đó của latihan kedjiwaan là vậy. Điều đó đã được tiên tri trong cuốn sách trống không mà tôi đã tiếp nhận. Cuốn sách đã giải thích là sự bành trướng của latihan kedjiwaan chỉ có thể khả quan khi, nhờ ân huệ Thượng Đế, tôi có khả năng đi nước ngoài. Vậy mặc dù nó bành trướng chậm, tôi không hề thấy lo ngại và thất vọng.

Tôi hiện là một người đàn ông góa vợ và đó thường là trường hợp để thiên hạ đến hỏi tôi cách làm thế nào cho số mệnh họ được khá hơn. Trong số những người đến có một bà tên là Siti Sumari, quả phụ của một viên tổng giám đốc xây cất. Bà hỏi tôi công việc

nào mình nên làm để nuôi thân và nuôi hai đứa con. Tôi trả lời là trong trường hợp bà không có công việc nào thích hợp là nguồn thu nhập của người chồng, nói cách khác bà nên tái giá.

Hiển nhiên câu trả lời của tôi đã chạm đúng chỗ ngứa và bà lấy làm lo âu. Tôi nói tiếp: "Từ lúc là goá phụ, bà đã từng nghiệm được điều gì đó trong lúc làm prihatin?" Bà tỏ vẻ ngạc nhiên và đáp: "Có - khi tôi gặp một học giả là Tiến Sĩ Raden Mas Sosrokartono. Ông nói với tôi: "Bà hãy trở về quê nhà tại Temanggung. Bà đừng lo, vận may sẽ tới. Bà là một kiai và bà phải lấy một kiai và chắc chắn là bà sẽ kiếm được một kiai vừa đức độ cao, vừa trang nhã. Đó là điều học giả đó khuyên tôi, và sau khi chào từ biệt ông, tôi chuẩn bị trở về quê nhà tại Temanggung."

"Một vài ngày sau sau khi trở về nhà, tôi đến Semarang để thăm người anh là Raden Yasin, vì đã lâu lắm tôi chưa gặp anh. Lúc giữa đêm trong đêm sau khi tôi tới nhà Mas Yasin, bà vợ của Mas Yasin trông thấy những ánh sáng chói chang từ trên trời. Một cái rớt lên người tôi, cái khác lên người con tôi là Warnati, khi chúng tôi đang ngủ. Lập tức, chị Yasin¹² đánh thức tôi dậy và kể cho tôi hay điều chị đã nhận thấy. Sau đó chúng tôi đã không thể ngủ được cho tới sáng."

"Sự kiện là nhà người anh tôi lại ở gần nhà Raden Suwarno, một nhân viên của công ty xe lửa S.J.S. Raden Suwarno nói với tôi mình là người thuộc phong trào và đệ tử của Raden Mas Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo hiện sống tại Bergota Kalisari. Nên chiều hôm đó sau khi Suwarno tan sở, chị Yasin và tôi tới gặp ông và nói với ông điều gì đã xảy ra. Tự nhiên, Suwarno đáp: "Điều tốt hơn hết mấy chị nên làm là đến hỏi Muhammad Subuh, người này là sư phụ tôi. Có lẽ ông có thể giải thích được ý nghĩa của chứng nghiệm đó. Đó là điều Suwarno khuyên bảo, thế cho nên, Kaii, tôi đến đây hôm nay để hỏi ý kiến ông."

Tôi im lặng trong một lúc và với một nụ cười tôi nói với bà.

"Cái chứng nghiệm của chị Yasin và lời đáp của Raden Mas Sosrokartono là những điềm tốt. Bà hãy về nhà và sau này, ông

12 Người ta có thói quen gọi nhau là anh hay chị, cha hay mẹ, tuy không có quan hệ thân thuộc, vì mọi người được coi là phần tử của một gia đình rộng lớn.

Suwarno mà bà đã gặp, sẽ giải thích thêm cho bà.”

Một thời gian ngắn sau tôi nhờ Suwarno đến chỗ ở của Siti Sumari. Và theo ngày được ấn định tôi đến nhà người anh của Siti Sumari, để bàn luận về đề nghị hỏi cưới Siti Sumari. Ngày kế tiếp tôi cùng Mas Yasin đến Temanggung để hỏi mẹ của Siti Sumari là Raden Nganten Puspowirono cho phép tôi được cưới Siti Sumari - phụ thân bà đã qua đời nhiều năm trước.

Tóm lại, đề nghị của tôi được chấp thuận và chúng tôi lấy nhau ngày 15 tháng 11 năm 1941 với sự hiện diện của Mas Raden Yasin như một nhân chứng. Sau khi cưới Siti Sumari, cuộc sống gia đình của tôi được toàn vẹn trở lại. Chúng tôi sống một cách giản dị, nhưng luôn luôn cảm thấy được bình an và yên tĩnh, khiến tôi có thể chuyên cần tập latihan kedjiwaan mà tôi đã tiếp nhận được nhờ ân huệ của Thượng Đế.

Việc tôi cưới Siti Sumari còn có nghĩa là có thêm hai người con nữa của bà thuộc gia đình tôi; một cô gái tên là Warnati và một cậu trai tên là Warnoto.

Cuộc chiến xảy ra ở Âu châu trước năm 1941 nhưng chỉ lan qua Nam Dương sau năm 1941. Khi chiến tranh xảy ra, Nam Dương bị loạn lạc, tình trạng đó còn tồi tệ thêm sau sự chiếm đóng của người Nhật. Trong khi chờ đợi một tình hình khả quan hơn, tôi làm ăn nhỏ và nhờ ân huệ Thượng Đế, tôi đã có thể nuôi gia đình.

Đến năm 1944, tình hình ở Tây Semarang - Bergota Kalisari và các vùng lân cận - trở nên hết sức nguy hiểm, nên cùng với vợ con, tôi rời khỏi Kalisari để đến Kedu, bằng cách đi ngang qua những khu vực còn hoang vu của núi Pati và vãn vãn. Những vùng đất hoang vu đó rất nguy hiểm, vì nhiều bọn thảo khấu đã tấn công và cướp bóc những người ghé qua đó. Chúng tôi đi bộ noi theo những phụ lưu của con sông chảy xuống và quanh hòn núi lớn. Bất chấp tất cả những điều đó, các cháu Warnati, Rahayu, Haryono và Haryadi lại thấy vui thích, khi các cháu đi qua những dòng nước chảy nhanh và sâu đến 25 phân.

Một hôm ban đêm chợt xuống khi chúng tôi còn đi trên đường và phải xin hỏi được trọ đêm một người trông như một tướng cướp.

Điều khá kỳ lạ là người chủ nhà đó nói là ngay lúc trước khi chúng tôi đến, hắn đã sửa lại tường nhà và thay đổi chấn gõi cùng với màn treo trên cửa sổ. Hắn đã dọn sẵn thức ăn: cơm và một vài món ăn phụ. Chính hắn cũng không hiểu tại sao mình đã làm tất cả những điều đó. Và tôi nói với hắn: "Điều ông làm thật đáng khen, mặc dù không hề trước đó suy tính sẽ làm. Sự thật đó là việc nội cảm ông nhắc nhở ông phải cư xử chân chính, khiến ông được mọi người yêu mến, kính trọng và ông sẽ có uy quyền."

Về phần vợ con tôi, mặc dù rất lo sợ việc phải lưu trú tại chỗ này, nhờ Thượng Đế, họ đã ngủ say, và trước khi hay được thì chúng tôi đã nghe thấy tiếng gà gáy chào đón trời gần sáng.

Ngày kế tiếp chúng tôi từ giả người chủ nhà và tiếp tục lên đường tới Wolodono, Temanggung. Người chủ nhà tìm cách ngăn cản chúng tôi đi, vì hắn thấy chúng tôi còn quá mệt mỏi để có thể đi xa đến như vậy, và tôi buộc phải nói: "Chúng tôi thực sự muốn gặp thân nhân ở Wolonodo, càng nhanh chừng nào hay chừng đó."

Chúng tôi nhanh chóng lên đường. Khoảng 5 tiếng sau chúng tôi đến thị trấn Wolonodo, Temanggung và chẳng bao lâu chúng tôi đến một thôn xóm. Chúng tôi dừng lại một lúc tại đó và một người dân trong vùng đã nhận diện được Warnati. Người đó nói với chúng tôi là chỉ còn một đoạn đường ngắn nữa chúng tôi sẽ tới đích.

Tóm lại, tất cả chúng tôi đều bình an đến Wolonodo ở với thân nhân. Tại đó chúng tôi có thể nghỉ ngơi một cách thích đáng, cũng như được xa lánh những loạn lạc mà thiên hạ phải chịu; khí hậu thì lại mát dịu, nên những sự mệt nhọc trong chuyến đi của chúng tôi đã tan biến hết.

Chúng tôi cảm thấy rất thích hợp ở Wolonodo, Temanggung; đó là nơi tôi thích sống như một nhà nông, nếu đã bán được căn nhà tại Bergota Kalisari.

Chương 9

Sự thành lập của Susila Budhi Dharma

Chúng tôi ở Wolodono chỉ khoảng 3 tháng, sau khi nghe tin Nam Dương được độc lập, chúng tôi lên đường trở về Yogyakarta. Tại Yogyakarta chúng tôi ở trên con đường Wirogunan, và chẳng bao lâu sau đó đến ở con đường Tanjung. Nơi đây tôi tụ tập những người mà mình đã khai mở trước đây, thêm vào đó có nhiều người mới vào mà tôi đã khai mở sau khi đến Yogyakarta ở.

Chỉ trong một thời gian ngắn, khi số người theo tập latihan kedjiwaan được hơn 300, tôi cảm thấy đến lúc thành lập một hiệp hội. Việc làm này là cần thiết để cho các anh chị em theo tập latihan kedjiwaan được đăng kí và tổ chức. Mọi người đều chấp nhận cái ý kiến đó, nên chúng tôi lập nên một hiệp hội mà tôi gọi là Susila Budhi Dharma. Danh hiệu đầy đủ của hiệp hội là Persaudaraan Kedjiwaan Susila Budhi Dharma, hay hiệp hội tâm linh Susila Budhi Dharma, hay vắn tắt là Subud.

Sau khi nó được thành lập, những người theo tập latihan kedjiwaan được ghi nhận là hội viên. Từ đó trở đi những người muốn theo tập latihan kedjiwaan phải qua một thời kì dự bị là 3 tháng, và một khi được khai mở, họ sẽ được ghi nhận là hội viên của hiệp hội



tâm linh Susila Budhi Dharma (Subud) Tất nhiên một khi hiệp hội được thành lập, thì cần có một hội trưởng, một phó hội trưởng, một thư kí, một thủ quỹ, và tối thiểu là hai người giám thị. Điều này là cần thiết để cho sự ghi nhận hội viên được êm xuôi, và nhu cầu của hội Subud được đáp ứng một cách thích đáng.

Tôi cũng nên nhắc ở đây Wignyosupartoni, như được giải thích trước đó, là một môn đồ của Kiai Abdurachman thuộc phong trào Jatirogo; ông đến Yogyakarta ở thật lâu trước khi tôi về đó, nhưng không đóng góp gì vào việc thành lập Subud. Ông cố ý khiến cho mình cùng với các môn đồ được biệt lập. Điều này cũng là vậy đối với một trong những môn đồ của ông đã bỏ ông để lập một phong trào được gọi là Sumarah.

Trong năm 1946 tôi vẫn còn ở trên con đường Tanjung, nơi ngoài việc khai mở cho những hội viên mới và tập chung latihan kedjiwaan với họ, tôi còn trợ giúp công việc kế toán và tài chánh cho đảng Hồi giáo là Masyumi. Cho việc làm đó tôi nhận được một chút tiền thù lao chỉ đủ để trang trải cho những nhu cầu của gia đình. Tôi làm việc cho đảng Masyumi không được lâu, trước khi đến làm việc tại ban giám đốc y tế của quân đội ở Yogyakarta. Sau một cuộc khám nghiệm sức khoẻ, tôi được nhận là một trung tá, và được phái tới ban tài chánh. Nơi đây tôi nhận được một thu nhập thật khá đáp ứng được nhiều hơn những nhu cầu của chúng tôi, nhưng trên thực tế thì tôi không cảm thấy hài lòng và mãn nguyện với công việc của mình. Có lẽ việc đó không hợp với mình. Nên sau một năm tôi xin nghỉ việc, lấy cớ là việc làm không thích hợp với nội ngã mình.

Sau khi từ chức trung tá, tôi nghỉ ngơi trong một thời gian, rồi rời một vài hội viên Subud tôi lập nên một công ty xây cất mà chúng tôi điều hành ở căn nhà của Tan Tok Ciang trên đường Malioboro. Nỗ lực đó có thành quả. Trong lúc làm việc tại công ty, tôi đi nhà một vài lần, từ con đường Tanjung tới Puri Pakualaman, và từ Puri Pakualaman tới Tegal Panggung, rồi từ Tegal Panggung lại trở về Wirogunan. Chỉ sau khi thuê được nhà thì chúng tôi mới ở đó trong một thời gian.

Trên con đường Wirogunan số hội viên gia tăng mỗi ngày. Hơn nữa, những người gia nhập Subud không chỉ là người Nam Dương,

mà còn là người ngoại quốc nữa; có những người Yougoslavia, Bạch Nga, Anh và những người thuộc những quốc gia khác đến để được khai mở. Trong những người ngoại quốc có một người Anh tên là Hussein Rofé, một người Hồi giáo.

Theo Hussein Rofé, sau khi lần đầu tới Java, anh đi Bali, vì nghĩ rằng ở Bali anh sẽ tìm thấy nền văn hoá cổ xưa và cao quý của Java. Nhưng ở Balai anh thấy một sự trống rỗng toàn diện. Tất cả những gì anh thấy là nền văn hoá Hindu, nên anh bỏ Bali trở về Jakarta.

Ở Jakarta anh đến thăm nhiều vị tôn sư với sự hi vọng là được hướng dẫn qua Hồi giáo, khiến mình được đưa dẫn tới chân lí. Anh tìm kiếm trong một lúc lâu, nhưng chỉ thấy nản chí vì không thể tìm thấy điều mình kiếm.

Anh nghe có ai đó nói rằng Yogykarta là nơi chốn mình có thể tìm thấy điều đang tìm kiếm. Lòng tràn đầy hi vọng, anh bỏ Jakarta để đến Yogyakarta. Tại Yogykarta anh cư ngụ trong một khách sạn, và tìm cách làm quen với những người mà anh nghĩ là quan trọng, những người muốn học một ngoại ngữ. Anh thành thạo tối thiểu là 27 ngôn ngữ. May mắn là trong những người anh tiếp xúc có khá nhiều người muốn học tiếng Anh và Pháp.

Đó là tình trạng của Hussein Rofé, sau khi đến Yogyakarta. Với thời gian anh càng có thêm nhiều học viên, khiến anh cảm thấy mình kiếm được đủ tiền. Anh nhớ lại rằng đến Yogyakarta mục đích chánh yếu của mình là tìm kiếm một tôn sư có thể chỉ cho mình thấy được chân lí về đạo Hồi. Nên một hôm, trong lúc đang dạy học, anh hỏi các học viên của mình là có hay không một vị tôn sư ở Yogyakarta có thể chỉ cho mình thấy được chân lí về đạo Hồi. Một học viên lập tức trả lời: "Có, có vị đó. Nếu ông muốn thì tôi sẽ dẫn ông tới nhà vị tôn sư đó, vì tôi là một đệ tử của ổng."

Tất nhiên anh vui mừng chấp nhận đề nghị đó, và như vậy Hussein Rofé đi theo học viên của mình đến nhà tôi trên con đường Wiragunan. Có nhiều hội viên đang theo tập latihan kedjiwaan khi anh đến. Nên anh đã không hỏi bất cứ gì, mà chỉ xin được khai mở ngay lập tức.

Trên căn bản, Rofé có một tấm lòng ao ước chân thành, nên nhờ ân huệ của Thượng Đế anh tiếp nhận được một cách tốt đẹp trong lúc khai mở, và cảm thấy như được giải thoát khỏi một cảm xúc đen tối. Kể từ đó trở đi anh chuyên cần theo tập latihan kedjiwaan Subud.

Chỉ do bản tính mình, Rofé không thích ở lâu tại một nơi. Nên sau khi ở Yogyakarta trong một thời gian ngắn, anh xin tôi chúc phúc cho anh được đến ở Palembang, Sumatra. Tuy anh vào Subud không lâu, nhưng sự thật là anh có thể khai mở những người khác muốn vào Subud. Sau một thời gian ngắn ở Palembang, anh khai mở cho một số người tại đó. Phần đông là những người Hồi giáo, và có ngay cả một haj. Đối với Rofé việc giúp đỡ những người đó không thành vấn đề, vì anh thâm hiểu kinh Quran và nói thông thạo tiếng Ả Rập.

Tại Palembang, Hussein Rofé lập nên một nhóm – mà cuối cùng tôi cũng đến thăm - và mọi việc được tổ chức một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, Rofé không thấy được thoải mái ở Palembang, nên anh trở về Yogyakarta. Lúc anh trở về thì tôi đã đổi nhà đến ở trên con đường Jayamingprangan từ con đường Wirogunan, Yogyakarta.

Một khi trở lại Yogyakarta, Hussein Rofé muốn đi một lần nữa, lần này thì tới Hong Kong. Nên chẳng bao lâu sau đó anh bỏ Yogyakarta để đến Hong Kong, với hi vọng là từ đó sẽ đi tiếp trở về Anh. Anh đã muốn trở về Anh trong một thời gian, nhưng đã không thể tổ chức được mọi việc để làm chuyện đó.

Sau khi Hussein Rofé ra đi, tôi tiếp tục nhận hội viên mới tại Jayaningprangan, và tập chung latihan kedjiwaan với họ hai lần mỗi tuần. Trong những người theo tập latihan kedjiwaan có anh Rachmad Panae muốn đến Medan, Sumatra, ở để thiết lập tại đó một ngân hàng tư. Rachmad là người quê quán ở Medan, nên đó không là một vấn đề với anh, nếu hoà đồng với người Medan. Khi đến Medan, anh thành lập một ngân hàng mà tôi đặt tên là Ngân Hàng Mestika Dharma. Ngân hàng đã phát triển như điều trông đợi ở một ngân hàng vừa mới mở. Có điều xảy ra là sau khi ở Medan được một thời gian, Rachmad đã có thể khiến cho những chỗ quen biết của mình hiểu được đôi chút về Subud; kết quả là có nhiều người gia nhập Subud, nên chẳng bao lâu sau đó vợ

chồng tôi đến Medan.

Ở Medan chúng tôi khai mở cho nhiều hội viên mới, cũng như cho gia đình anh Rachmad Pane. Kết quả là chúng tôi ở Medan được một thời gian, và có lần chúng tôi đã tới Sibolga để khai mở cho những hội viên mới tại đó. Tóm lại, vợ chồng tôi ở Medan và vùng lân cận một lúc khá lâu, với kết quả là một nhóm Subud được thành lập tại đó.

Sau khi chúng tôi trở về Jayaningprangan, Yogyakarta, tôi tiếp tục như thường lệ nhận hội viên mới và khai mở cho họ, nên Jayaningprangan thường có đầy hội viên cả mới lẫn cũ.

Một hôm tôi cảm thấy một sự thúc đẩy mãnh liệt khiến mình tới Jakarta. Tôi phái con trai mình là Haryadi đi trước, trước khi vợ chồng tôi theo sau. Tại Jakarta Haryadi ở trên con đường Madura với đứa cháu trai tôi¹³ một hội viên Subud tên là Sudarsono. Con trai tôi đã đi trước để kiểm thuê một căn nhà, vì hồi đó việc thuê được một căn nhà kích thước thích hợp là điều khó khăn.

Cuối cùng có tin tìm kiếm được một căn nhà ở Jakarta là điều cực kì khó khăn. Điều đó khiến tôi băn khoăn, vì tôi đã cho người chủ nhà tại Jayaningprangan hay là chúng tôi sẽ bỏ nó, nên tôi bắt buộc phải ra đi để đến Jakarta. May mắn là nhờ một biến cố bất ngờ, do ân huệ Thượng Đế, tôi có thể mua một căn nhà trên con đường Wijaya, trong quận Kebayoran Baru của Jakarta. Ibu, bà vợ tôi, lấy làm vui sướng: chúng tôi không còn đi thuê nhà nữa – thay vì vậy, chúng tôi đã mua đứt được một căn nhà. Tuy không rộng lớn, nhưng nó hoàn toàn khiến mãn nguyện.

Ngay sau khi tôi và gia đình được an cư trong căn nhà mới trên con đường Wijaya, Kebayoran Baru, tôi phải ra đi để đến Surabaya. Tôi đã hứa với anh Usman, một hội viên tại đó, là sẽ đến thăm anh để khai mở cho những người muốn vào Subud.

Trước khi chúng tôi lên đường tới Surabaya, có một điều kì lạ xảy ra. Bà vợ Sudarsono cho chúng tôi hay là một người hàng xóm, một người Hoà Lan, bán căn nhà của mình với giá rẻ, mặc dù

13 Người Nam Dương thân mật nhau thường có thói quen gọi nhau là anh em, con cháu .v.v... tuy không có liên hệ gia tộc.

căn nhà đó rộng lớn và có địa điểm tốt. Hơn nữa, tiền mua có thể được đòi hỏi bởi một khoản tiền cho vay của một ngân hàng; tiền trả vay sẽ được bù đắp với tiền thu được của việc bán căn nhà trên con đường Wijaya. May mắn là tôi có thể giao việc này cho anh Rusli hoàn thành, người thủ quỹ của nhóm Subud Nam Jakarta. Đến ngày được ấn định, tôi đi khỏi con đường Wilaya để đến Surabaya thăm viếng Usman.

Vợ chồng tôi ở Surabaya được một vài tuần, để tập chung latihan kedjiwaan với những hội viên đã được anh Darmawasiti khai mở, cũng như để khai mở những hội viên mới.

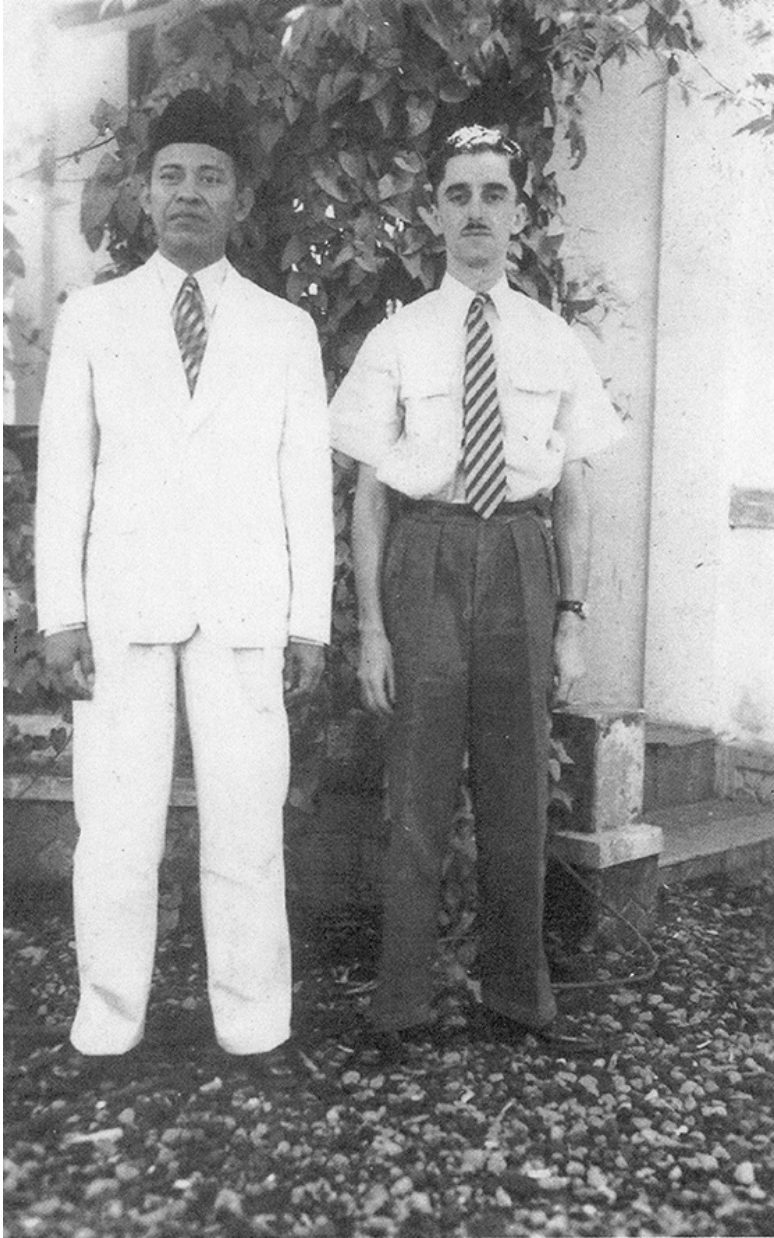
Khi trở về Surabaya, chúng tôi đi thẳng tới căn nhà mới trên con đường Jawa, vì mọi việc đã được sắp xếp bởi các hội viên thuộc nhóm Nam Jakarta.

Một điều kì lạ khác xảy ra là sau khi sắp đặt mọi việc cho chúng tôi, anh Rusli nghiệm được một sự thanh lọc sâu sắc hay một sự khủng hoảng. Nên với sự đồng ý của những hội viên thuộc nhóm Nam Jakarta, anh ở trong căn nhà cũ của chúng tôi trên con đường Wijaya.

Trong một thời gian lâu, căn nhà đó không bán được - mỗi lần có người muốn mua đến tham quan, anh Rusli đứng phơi trần tại cửa sổ, làm cho người muốn mua phải kinh hoàng. Cuối cùng tình trạng khủng hoảng của anh Rusli đi đến hồi kết thúc, và căn nhà đó được bán.

Sau khi chúng tôi an cư trong căn nhà trên con đường Jawa - hiện nay nó được gọi là đường Omar Said Cokrominoto - số hội viên càng lúc càng gia tăng. Thế cho nên, chúng tôi phải thuê một phòng rộng lớn để tập latihan kedjiwaan, văn phòng Adhuc Stat, hiện nay là Bapenas, ủy ban kế hoạch nhà nước.

Năm 1954 con trai tôi là Haryadi đau ốm, nên qua đời và được mai táng tại nghĩa trang Karet, Jakarta.



Bapak in 1951 (left). Bapak and Hussein Rofe (above) at Bapak's house on Jalan Wirogunan, Jogjakarta.

Chương 10

Chuyến đi tới Anh

Năm 1956 tôi nhận được một bức thư từ Cyprus (một hòn đảo ở Địa Trung Hải) mà người gửi là một người tôi không quen biết. Tên ông là Meredith Starr, một sử gia đã du lịch nhiều. Theo bức thư, ông đã biết tới tôi nhờ một bài báo trên một tờ báo được ấn hành ở Cyprus. Nội dung chính trong bức thư của Meredith là việc ông muốn gặp tôi và ông hối thúc tôi đến Cyprus nếu có thể.

Tôi lập tức nghĩ đến việc anh Rofé muốn trở về Anh, nếu anh có phương tiện làm điều đó. Vấn đề duy nhất là hiện giờ anh đã rời khỏi Nam Dương và đang ở Hồng Kông. Khi nhận được bức thư của Meredith, tôi gửi nó cho Rofé yêu cầu anh hãy đến Cyprus để đáp ứng lời mời của Meredith và các đồng hương của ông.

Tôi nhận được ngay một bức thư của Rofé nói là khi nhận được thư tôi, anh đã lập tức liên lạc với Meredith và những người bạn của ông. Một bức thư khác của Rofé cho tôi hay anh sẽ rời Hong Kong để đến Cyprus ngay sau khi mọi việc được thu xếp.

Mười lăm ngày sau, tôi nhận được một bức thư khác của Rofé hiện đang ở Cyprus cho hay là anh đã khai mở cho Meredith và những người bạn của ông, phần đông đều là người Anh, và mọi việc được tốt đẹp.

Ngày tháng trôi qua khi một bức thư khác của Rofé tới. Tình hình ở Cyprus rất lộn xộn sau một cuộc nổi loạn, nên Meredith Starr,

những người bạn của ông cùng với Rofé buộc phải rời khỏi Cyprus để trở về quê hương là nước Anh.

Một thời gian ngắn sau, một bức thư đến cho hay là Rofé cùng với những người bạn của anh, tất cả đều bình an tới London; với sự chấp thuận của các hội viên đã được khai mở, họ muốn mời vợ chồng tôi đến đó. Anh nói thêm là mình đã có thể thuê được một căn nhà đủ rộng để chứa vợ chồng tôi cùng với hai hoặc ba người đi theo.

Hồi đó hội tâm linh Subud ở Nam Dương đã được tổ chức tốt đẹp, nên tôi đã chấp thuận sự thỉnh cầu của Rofé và những người bạn anh đã khai mở. Sau khi vấn đề thông hành và vân vân được thu xếp xong, vợ chồng tôi cùng với hai người bạn đồng hành - Icksan và vợ ông là Ismana - cùng với Batara Pane, ông này thì đi Hoà Lan, lấy máy bay đi Anh quốc.

Khi đến chúng tôi được Rofé và những người đã tiếp nhận latihan kedjiwaan của Subud tiếp đón, và chúng tôi được đem đến ở tại căn nhà mà Rofé đã mượn.

Nên ngay sau khi đến đêm hôm đó, chúng tôi liền bắt đầu tập chung latihan kedjiwaan với các anh chị em Subud mới đã được Husein Rofé khai mở ở Cyprus. Điều đó xảy ra năm 1957. Và đó là điều được tiếp diễn khi ngày tháng

trôi qua; cùng với việc tập chung latihan kedjiwaan với những người đã được khai mở, vợ chồng tôi đã khai mở thêm cho những anh chị em muốn được khai mở.

Tôi cũng nên nói ở đây là hồi đó chúng tôi chưa đặt ra thời kỳ dự bị 3 tháng cho những người muốn gia nhập Subud. Tại nước ngoài, đặc biệt là bên Anh, những người muốn được khai mở nhiều đến nỗi khiến cho mỗi đêm số người được khai mở hầu như đếm không hết.

Kết quả là số hội viên nhanh chóng được hơn 300 người; với sự đồng ý của đại đa số hội viên, việc tập latihan kedjiwaan được dời về căn nhà của John Bennett tại Coombe Springs¹⁴.

14 Coombe Springs là một vùng ngoại ô của London, gần Kingston upon Thames

Thật may mắn, căn nhà của John Bennet hầu như đã được sửa chữa xong, và chúng tôi dùng một căn phòng rộng lớn để tập latihan kedjiwaan và khai mở cho thiên hạ.

Tôi cũng nên giải thích ở đây là cái đêm tôi tới nhà ông Bennett tại Coombe Springs, mọi người đã giật mình nghe thấy một tiếng nổ lớn. John Bennet cũng có mặt trong số những người hiện diện hôm đó, và ông nói đó là một dấu hiệu đón chào: chào mừng Bapak Muhammad Subuh đến Coombe Springs, London.

Hơn nữa, một điều hoàn toàn bất ngờ đã xảy ra tại Coombe Springs. Một khoá học được tổ chức tại đó bởi những hội viên của phong trào tâm linh Gurdjieff đến từ khắp nơi trên thế giới. Nên việc tôi đến Coombe Springs với tư cách là một người đem Subud đến đã được nhiều người chú ý.

John Bennett lại là lãnh tụ của phong trào Gurdjieff. Sau một buổi họp với những hội viên Gurdjieff, ông đến thăm tôi. Ông hỏi tôi là có muốn cho họ gia nhập Subud hay không. Tôi đáp là Subud sẵn sàng thu nhận họ, nếu ý muốn gia nhập Subud là một ý muốn phục tùng và quy thuận Thượng Đế.

Rồi một đêm, người này kể tiếp người nọ, họ được khai mở và theo tập latihan kedjiwaan với những anh chị em đã được khai mở trước đó. Vì chưa từng bao giờ lại có đông người đến thế, nên lều đã được căng trên mặt đất, bởi đa số đều muốn ở trong vườn của Coombe Springs còn hơn là đến ở khách sạn.

Còn có nhiều người tới đông hơn nữa, sau sự xuất hiện của cô minh tinh điện ảnh Eva Bartok. Cô đến để được chữa trị khỏi một căn bệnh khiến đau đớn, một loại ung thư trong bụng. Chữa bệnh không phải là mục đích của latihan kedjiwaan, nhưng vì đã được John Bennett, một người hướng dẫn tâm linh của cô, thuyết phục, nên cô xin được khai mở và theo tập latihan kedjiwaan.

Sự kiện là sau khi tập latihan kedjiwaan được độ 3 tuần, cô Bartok cảm thấy căn bệnh thuyên giảm. Hơn nữa, khi khám bệnh cho cô, ông bác sĩ tư cho cô hay là cơn đau không còn như một căn bệnh mà là một dấu hiệu cho thấy cô mang thai. Hiển nhiên, căn bệnh của cô Eva Bartok đã biến mất và trên thực tế thì đó là một

bào thai.

Với biến cố đó, những tin tức được loan truyền là latihan kedjiwaan Subud, ngoài việc là một nguồn gốc hướng dẫn những người muốn tìm thấy chân lý tâm linh, còn có thể trị bệnh cho những người mắc bệnh ung thư, hoặc những căn bệnh nan y khác. Những tin đồn đó đã ảnh hưởng tới nhiều người, khiến họ đổ xô về Coombe Springs để theo tập latihan kedjiwaan.

Khỏi cần nói là điều đó đã khiến Coombe Springs trở nên đông đảo có nhiều người muốn gia nhập và theo tập latihan kedjiwaan.

Kết quả của việc có nhiều người vào Subud là giấy thông hành của chúng tôi hấp tập được gia hạn thêm, sau thời hạn lưu trú 3 tháng. Thật may mắn, đơn xin của chúng tôi đã được chấp thuận nhanh chóng.

Và khi thời gian tới để chúng tôi và các bạn đồng hành rời Anh quốc để về nước, các anh chị em mới gia nhập Subud trong khoá học Gurdjieff đã đề nghị là chúng tôi hãy hoãn lại việc trở về Nam Dương bằng cách đến thăm chỗ ở của họ. Nhờ ân huệ Thượng Đế, mọi việc đã được thu xếp tốt đẹp.

Tóm lại, toàn thể chuyển đi kéo dài 14 tháng, vì chúng tôi đến thăm nhiều quốc gia, nơi chúng tôi khai mở cho những anh chị em muốn theo tập latihan kedjiwaan Subud. Tất cả những điều đó xảy ra trong những năm 1957 và 1958 và đó là chuyển đi nước ngoài đầu tiên của chúng tôi.

Chương 11

Những chuyến đi thế giới

Trong những năm 1959 và 1960 vợ chồng tôi, con gái chúng tôi là Rochanawati¹⁵, cùng với hai người bạn - Tiến Sĩ Anwar Zakir và vợ ông - đi nước ngoài theo lời mời của các hội viên Subud thuộc những quốc gia khác nhau. Lần này chúng tôi rời Nam Dương để đến Úc Châu. Từ Úc Châu chúng tôi đến Tân Tây Lan, từ Tân Tây Lan đến Los Angeles, từ Los Angeles đến San Francisco, từ San Francisco đến Mexico, từ Mexico đến Colombia, từ Colombia đến Peru, từ Peru tới Chí Lợi, từ Chí Lợi tới Á Căn Đình, từ Á Căn Đình tới Brazil, từ Brazil tới Venezuela và từ Venezuela tới Washington DC. Và từ Washington DC tới New York, từ New York tới Chicago và từ Chicago tới Miami. Từ nước Mỹ chúng tôi một lần nữa trở lại Âu Châu và đến thăm một số những quốc gia trong đó có Hoà Lan, Đức, Pháp, Áo và Thụy Sĩ, và cuối cùng chúng tôi đến dự cuộc Hội Nghị Subud Quốc Tế lần thứ nhất.

Tôi cũng nên nói ở đây tới một điều đã xảy ra ở Hoà Lan trên đường chúng tôi tới London để dự hội nghị.

15 Rochanawati và Warnati cùng là một người.

Tôi đang ở nhà một người kĩ sư tên là Tjalsma thì đột nhiên có một ông giáo sư đại học là Tiến Sĩ Heringa tới thăm. Ông là hội trưởng của một phong trào được gọi là Wereldsche Moreele Herbewapening. Ông giáo sư đó hỏi tôi về Subud, về căn bản và mục tiêu của latihan kedjiwaan. Tôi trả lời và tất cả những câu hỏi của ông và hình như những câu trả lời của tôi làm ông hài lòng. Rồi vị giáo sư đó giải thích là cách đây 70 năm, một nhóm thông linh học đã nhận được một thông điệp báo cho hay sẽ có một người Hồi giáo đến từ phương Đông và người đó sẽ đến Hoà Lan để hướng dẫn trong lãnh vực tâm linh những người Hoà Lan. Ông nói thêm là những hoạt động trong lãnh vực tâm linh của tôi sau này sẽ được sử sách ghi chép bằng mực vàng, vì từ trước tới nay chưa từng xảy ra việc những người phương Tây được một người phương Đông hướng dẫn.

Tôi chỉ trả lời những lời nói đó bằng một nụ cười. Rồi lời lẽ chợt tuôn ra: "Nếu vậy thì tôi chẳng hay sau này sẽ phải đối xử như thế nào, tôi chỉ biết quy thuận quyền lực của Thượng Đế".

Sau khi rời khỏi Hoà Lan chúng tôi đến Đức, thì chợt có một giáo sư đại học đến thăm tôi. Nhân vật này được gọi là "người số hai" của tiến sĩ Jung, một giáo sư đại học được kính trọng nhiều trong giới trí thức. Ông giáo sư đó xin được xem bàn tay tôi, và nói rằng vì tôi trở thành tụ điểm chú ý của nhiều người ở phương Tây, nên chắc chắn phải có một vài dấu hiệu gì đặc biệt nơi tôi. Tôi đưa bàn tay cho ông coi.

Ông giáo sư đó chăm chú nghiên cứu những chỉ tay trên đôi tay tôi. Sau một hồi, ông nói đường sinh mạng của tôi rất đặc biệt; ngoài việc được hưởng thọ tới già, tôi còn là một người đạt được một lãnh vực tâm linh cao. Ông nói thêm là kể từ lúc sống cho tới nay, ông chưa từng thấy ai có những đường chỉ tay như trên tay tôi.

Một ngày khác trong lúc ở Đức, một ông cụ rất lớn tuổi đến gặp tôi tại chỗ mà latihan kedjiwaan được tập trên con đường Heimstatten Alle ở Planegg. Ông cho mình vào khoảng 140 tuổi. Ông đến từ một vùng núi ngoài Munich và có một người cháu đi theo, trông cũng khá già. Tôi không hiểu ông cụ muốn nói gì, cả mắt và tai ông đều yếu.

Sau khi mời ông ngồi, tôi hỏi mục đích ông đến đây làm gì. Ông đáp, lời ông nói được cháu ông chuyển lại, là ông đến đây để nhìn thấy tôi, vì trong lúc đang ngồi yên tĩnh, ông chợt nhận được một thiên khai thúc giục mình phải đến gặp một vị quý khách đến từ phương Đông hiện đang có mặt bên Đức.

Tóm lại, tôi đã khai mở cho ông cụ rất lớn tuổi đó trước sự hiện diện của những anh em Đức. Nhờ Thượng Đế, ông cụ lăn té trên sàn nhà và ngồi la hét. Rồi ông nói, theo sự giải thích của cháu ông, là lúc này ông cảm thấy trong người mình một điều gì đó có thực chất là sự ca ngợi quyền lực của Thượng Đế.

Rồi tôi nói với ông: "Thưa cụ, cụ may mắn đã có một tấm lòng tôn thờ rõ rệt như vậy. Tôi mong cụ luôn luôn trong tình trạng yên tĩnh ca ngợi sự vĩ đại của Thượng Đế. Cụ không cần phải theo những điều mà bọn trẻ muốn. Tôi mong là cụ sẽ được Thượng Đế thương xót và tiếp nhận được những gì cụ cần cho thể gian này và thế giới bên kia."

Đó là những điều xảy ra khi tôi ở Đức.

Sau khi rời Đức để đến Pháp vợ chồng tôi tiếp tục khai mở cho những hội viên mới và tập chung latihan kedjiwaan với những người đã được khai mở.

Tại Pháp tôi được một số chị em (trong Subud) thuật lại sự việc một đêm một chị lớn tuổi nhất trong nhóm họ đang ở một nơi chốn được coi là thánh thiện, thì đột nhiên chị trông thấy Đức Mẹ Maria. Đức Mẹ Maria nói là nước Pháp sẽ được một người Hồi giáo đến thăm và sẽ cho biết một đường lối tu tập để phụng thờ Thượng Đế, khiến những người tu tập theo đường lối đó sẽ thực sự hiểu được đạo của họ. Đức Mẹ Maria nói tiếp là điều này không được nói cho người ngoài nghe, vì sau này họ sẽ tự hiểu được. Đó là câu chuyện mà một chị người Pháp kể cho vợ tôi là Ibu. Tóm lại, có nhiều điều như vậy mà tôi gặp và nhận thấy trong những chuyến đi hồi đó.

Nếu tôi suy nghĩ những điều đó, thì mỗi biến cố mà tôi đã trải qua và mọi điều mình nghiệm được mỗi khi chúng kiến latihan kedjiwaan của anh chị em Subud là những điều phù hợp với nội

dung cuốn sách mà tôi đã tiếp nhận được trong lúc làm zikir sau latihan kedjiwaan - điều mà tôi đã đề cập tới trước đây.

Những hình trong cuốn sách rõ rệt mô tả một nhóm người quỳ lạy, nhóm khác thì khóc nức nở xin Thượng Đế tha thứ tất cả những tội lỗi của họ, nhóm khác nữa thì vừa chạy vừa đấm ngực như muốn vất bỏ một vật gì đang xiết lại trong ngực họ, nhóm khác nữa thì hùng hổ múa võ và nhảy múa theo nhịp điệu đặc biệt của họ, và ngoài ra còn nhiều điều khác nữa. Đó là tất cả những điều xảy ra với các hội viên Subud hiện đang tập latihan kedjiwaan. Hơn nữa, những hội viên Subud tiếp nhận và theo tập latihan kedjiwaan chung với nhau, bất chấp sự kiện trong phòng tập latihan họ tập chung với những người thuộc những chủng tộc và tôn giáo khác nhau. Dù vậy, họ đã chứng tỏ được là có thể hoà hợp với nhau như những người trong cùng một gia đình. Điều đó cho thấy họ đã tiếp nhận được ở một cội nguồn độc nhất và trực diện một cội nguồn độc nhất là Thượng Đế. Điều này cũng đã được cuốn sách cho thấy.

Với bằng chứng đó tôi không thể nghĩ tới tương lai, tôi chỉ biết cảm tạ Thượng Đế là nhờ ân huệ Ngài, tôi đã thực hiện được những điều cuốn sách mô tả mà tôi đã đề cập trước đây.

Sau khi đến Anh chúng tôi dự Hội Nghị Subud Quốc Tế được tổ chức tại một toà nhà được xây cất nhiều năm về trước, một toà nhà hình tròn có trần cao. Ban đầu người ta có ý định dùng toà nhà đó cho những nhu cầu của các hội viên thuộc phong trào Gurdjieff. Nhưng bởi hiện nay hội tâm linh Subud đã có nền tảng vững chắc ở Anh và do sự chấp thuận của các hội viên là chủ nhân toà nhà, nên nó được dùng cho những vụ khai mở và cho latihan kedjiwaan.

Trong chuyến đi đó, vì chúng tôi lưu lại Anh quốc trong một thời gian lâu, nên tôi hầu như được đến thăm tất cả những thành phố lớn, không chỉ để dự những buổi latihan kedjiwaan mà còn để khai mở cho những hội viên mới.

Ngày 15 tháng 10 năm 1959 chúng tôi rời khỏi Anh quốc và trên đường trở về Nam Dương chúng tôi ghé tới Bombay, Ấn Độ, và ở trong căn nhà của Boman Behram, một người thường được biết

qua danh hiệu B.B.

Tại đó chúng tôi tiếp tục trợ giúp trong latihan kedjiwaan và khai mở cho hội viên mới, mặc dù đã có phụ tá. Từ Bombay chúng tôi đến New Dehli và từ New Dehli đến Calcutta.

Tôi xin nói ở đây về cái thời gian chúng tôi ở trong nhà của B.B tại Bombay. B.B giải thích với tôi là trước khi tôi đến Bombay, ông đã phái một nhân viên của mình, một kế toán viên, đến hỏi vị guru (đạo sư) của ông - một vị maharischi (giáo sĩ của đạo Hindu) sống xa thành phố Bombay - về tôi và thực chất của latihan kedjiwaan mà B.B đã tiếp nhận và theo tập.

Điều kỳ lạ là trước khi nhân viên của ông lên tiếng hỏi, thì vị maharischi đó đã nói: "Trong nhà ông sếp anh, ông B.B, hiện có một người Hồi giáo đến từ phương Đông. Ông có cảm nhận nhụi và mặc Âu phục. Đó là một người được Thượng Đế ban phước cho để truyền bá latihan kedjiwaan cho nhân loại, khiến bất cứ ai theo tập latihan kedjiwaan có thể trong sạch tôn thờ Thượng Đế".

Vị Maharischi nói tiếp và khuyên B.B rằng ông hi vọng B.B sẽ chuyên cần theo tập tất cả những gì mà B.B tiếp nhận được trong latihan kedjiwaan. Và B.B hỏi tôi: "Bapak, điều mà vị maharischi đó nói có phải là sự thật?" Tôi trả lời thẳng thắn: "Sao anh lại có thể hỏi tôi điều đó? Nói cho cùng tôi là người được nhắc đến. Nếu tôi nói điều đó là sự thật thì tôi sẽ thấy mình phách lối, tôi sẽ thấy mình lớn như trái núi. Làm vậy thì không được. Thế thì tôi để ông muốn hiểu sao cũng được."

Đó là điều tôi nghiệm được trong chuyến đi tới Ấn Độ. Sau khi rời khỏi Ấn Độ, chúng tôi tới Tích Lan, từ Tích Lan tới Bangkok, từ Bangkok tới Singapore, từ Singapore trở về Nam Dương. Chuyến đi của chúng tôi kéo dài 14 tháng, vào khoảng lâu như cái thời gian tôi đi vòng quanh thế giới lần đầu tiên.

Năm 1963 vợ chồng tôi đi nước ngoài để dự cuộc Hội Nghị Subud Quốc Tế ở New York, Hoa Kỳ. Lần này có Usman và vợ ông là Siti Aminah đi theo chúng tôi. Chúng tôi dùng con đường phía Tây để ghé tới Úc Châu, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Nhật Bản, San Francisco, Vancouver, Los Angeles, Mexico, Columbia, Peru,

Chí Lợi, Á Căn Đình, Brazil, Venezuela, Miami, Washington DC và Chicago, rồi tới New York.

Khi đến New York mọi việc cho hội nghị của hội Subud đã được sắp xếp tốt đẹp và hội nghị sắp bắt đầu.

Theo thông lệ, hội nghị được khai mạc bởi anh chủ tịch hội nghị là Varindra Vitachi. Sau khi bài diễn văn khai mạc được đọc xong, tôi được mời lên phát biểu ý kiến trước những người hiện diện. Sau lời phát biểu của tôi, phần điều hành cuộc hội nghị được trao lại cho anh hội trưởng.

Như thường lệ, trong những tuần lễ kế tiếp cuộc hội nghị, tôi đã còn những buổi nói chuyện và tổ chức tập latihan kedjiwaan mỗi đêm. Mặc dù cuộc hội nghị đã chấm dứt, tôi còn ở thêm vài ngày tại chỗ cuộc hội nghị được tổ chức.

Sau khi lưu lại New York chúng tôi đi du ngoạn đây đó. Trong lúc làm việc đó chúng tôi khai mở cho những người muốn gia nhập Subud đã qua thời kỳ dự bị 3 tháng. Kết quả là tôi đã đến thăm hầu hết những thành phố lớn của Mỹ.

Trên đường trở về Nam Dương chúng tôi ghé lại Singapore và ngoài việc mua quà tặng cho các cháu, chúng tôi còn trợ giúp latihan kedjiwaan của các anh chị em tại đó.

Tại Singapore tôi nhận được một bản báo cáo của một phụ tá, Edward van Hien, một người theo đạo Ki Tô. Ông và hai người phụ tá, một theo đạo Phật, một theo đạo Hindu, đã đến Mã Lai để khai mở cho một vài người đạo Hồi muốn gia nhập Subud. Trong lúc khai mở, những người đó đã có những động tác như đang làm lễ cầu nguyện của đạo Hồi và đọc kinh kệ trong một lúc lâu. Khi latihan chấm dứt, họ nói là mình thấy thoải mái và bày tỏ lòng biết ơn. Anh Van Hien chỉ yên lặng trong suốt lúc đó, vì ông đã không hiểu được thực tại. Đó là điều anh Van Hien báo cáo.

Sự thật, những điều tương tự như vậy mà Van Hien và những người bạn của ông đã nghiệm được, thường xảy ra trong hội Subud. Nhiều lần một phụ tá thuộc đạo Ki Tô đã khai mở cho một hội viên thuộc một tôn giáo mà người phụ tá không hề biết trước,

và trong lúc khai mở người hội viên đã tiếp nhận được những động tác và thốt ra những âm thanh có tính chất Hồi giáo. Điều đó chứng tỏ rằng latihan kedjiwaan không phải là một điều được tâm trí tạo ra mà xuất phát từ cái quyền lực của Thượng Đế bao bọc cả phần trong lẫn phần ngoài bản ngã người tiếp nhận. Vậy thì người khai mở, hoặc phụ tá, chỉ được dùng như một con đường truyền dẫn để truyền latihan kedjiwaan cho một người khác. Đó là điều tôi giải thích cho anh Van Hien, vì anh đã không thể hiểu được điều gì đã xảy ra. Tin đó đã khiến cho đức tin của các phụ tá ở Singapore được vững chắc hơn, đặc biệt những người thuộc đạo Ki Tô.

Sau khi Ibu đã mua đầy đủ quà tặng cho các cháu và các anh chị em ở Jakarta, chúng tôi rời khỏi Singapore trở về Jakarta.

Tôi cũng nên giải thích ở đây là trên đường trở về nước từ London, ông John Bennett, anh thư ký và hai người con của ông, đã đi theo chúng tôi. Tại Jakarta John Bennett ở nhà của Suta. Ông thấy rất thoải mái ở Jakarta và trở nên thân thiết với Suta. Điều này được chứng tỏ qua việc Suta thường dẫn ông đi đây đó. Ông cũng rất chuyên cần tập latihan kedjiwaan của Subud, khiến cho nhiều anh chị em Nam Dương biết tới ông.

Tôi vẫn còn ở trên con đường Jawa, khi John Bennett tới Jakarta. Năm 1962 tôi về ở trên con đường Rumah Sakit Fatmawati, Cilandak, Jakarta¹⁶. Tại Cilandak tôi cùng gia đình cư ngụ trong một phần của căn nhà tiếp khách, vì căn nhà của chúng vẫn còn đang được xây cất.

Năm 1966 chẳng bao lâu sau khi đi nước ngoài về, cô con gái của tôi là Rochanawati lâm bệnh, qua đời và được mai táng tại nghĩa trang Karet, Jakarta. Cũng trong năm đó, cô con gái tôi là Siti Rahayu kết hôn với chồng của Rochanawati, Raden Mas Ismangun, người cha của cháu gái tôi là Isni Astuti.

Ngay trước khi sắp đi nước ngoài để dự Hội Nghị Subud Quốc Tế lần thứ ba tại Tokyo, Nhật Bản năm 1967, con rể tôi là Syafrudin

16 Đầu thập niên 60 Muhammad Subuh thiết lập một trung tâm quốc tế ở Cilandak - Wisma Subud - nơi những hội viên Subud khắp thế giới tới tập latihan kedjiwaan.

Ahmad¹⁷ lâm bệnh, qua đời và cũng được mai táng tại nghĩa trang Karet, Jakarta.

Trong chuyến đi dự Hội Nghị Subud Quốc Tế ở Tokyo, Nhật Bản, anh Muhammad Usman đã đi theo tôi.

Tháng 2 năm 1971 bà vợ tôi là Siti Sumari (Ibu Subuh) lâm bệnh, qua đời và cũng được mai táng tại nghĩa trang Karet, Jakarta. Một vài tháng sau, Hội Nghị Subud Quốc Tế lần thứ tư được tổ chức tại Cilandak, Jakarta, vào tháng 6.

Năm 1972 tôi đi nước ngoài một lần nữa, con gái tôi là Siti Rahayu và các cháu gái là Isnı Astuti và Ismuwati đi theo tôi, thêm vào đó là chị Mastuti và Sharif Horthy là thông ngôn mới của tôi.

Năm 1974 mẹ tôi lâm bệnh và qua đời, hưởng thọ được 97 tuổi, được mai táng tại nghĩa trang Karet, Jakarta. Cũng trong năm đó, tôi cưới Mastuti, một phụ tá nữ và quả phụ mà người chồng là một hội viên Subud tên là Maryunan. Bà đã có con: 3 trai và 2 gái.

Trong khoảng thời gian giữa những hội nghị, tôi đi nước ngoài tối thiểu là 2 năm một lần để thăm viếng các anh chị em, cũng như để tập chung latihan kedjiwaan với họ và khai mở cho những hội viên mới muốn gia nhập Subud. Tại một vài nơi chốn tôi đã khai mở đến 200 người trong một đêm. Trong thập niên 70 số hội viên Subud được hàng ngàn người và Subud bành trướng tới 76 quốc gia. Tất nhiên, khi không đến thăm các anh chị em nước ngoài, tôi sống ở Cilandak. Dù vậy, tôi cũng không hề quên tới thăm các anh chị em ở Nam Dương.

17 Chồng của Hardiyati

Chương 12

Phần cuối

Tới đây tôi sẽ đề cập tới những gì cần thiết để hoàn thành câu chuyện về sự phát triển của latihan kedjiwaan Subud.

Suốt từ lúc có Hội Nghị Quốc Tế lần thứ hai ở New York, tôi đã giải thích cho tất cả các anh chị em Subud về mục đích và sự cần thiết của việc thực hiện kinh doanh trong Subud. Đó là việc sinh tử, khi chúng ta quan tâm tới việc đó, vì nó có một sự liên hệ cực kì quan trọng với cái nguyện vọng thực hiện công tác xã hội của chúng ta, chẳng hạn như xây cất trường học, viện mồ côi, nơi cư trú cho trẻ tật nguyền, nơi cư trú cho người già, bệnh viện và vân vân.

Ta thực sự không thể đáp ứng được nhu cầu cho tất cả những việc làm đó, nếu chỉ đợi chờ những đóng góp của hội viên. Vậy, để có thể đáp ứng những nguyện vọng của mình, chúng ta cần phải thực hiện kinh doanh trong bất cứ lĩnh vực nào mình có thể làm được.

Những đóng góp cần cho những dự án xã hội của chúng ta sẽ được lấy từ những kinh doanh mà ta điều hành. Số tiền bỏ ra cho những dự án xã hội sẽ tối đa là 25%, nhưng không kém hơn 15%, của tiền lời thực thụ của một kinh doanh.

Những đóng góp đó có thể được phân phát tùy theo sự thẩm định của các bạn. Nếu khắp thế giới, trong cộng đồng Subud, có 30 hay 40 nhóm làm kinh doanh, thì tiền thu nhập cho những dự án

xã hội thật đáng kể.

Thiết lập kinh doanh thực sự là cần thiết, bởi vì ngoài số tiền lời kiếm được mà một phần được tặng cho dự án xã hội, ta còn tạo được công ăn việc làm cho những hội viên Subud không có việc làm. Như vậy chúng ta sẽ tăng cường được tình huynh đệ với nhau – y như điều các bạn cảm thấy khi cùng tập latihan kedjiwaan. Các bạn cảm thấy như trong vòng gia đình, mặc dù người tập latihan kedjiwaan bên cạnh mình không cùng một chủng tộc hay tôn giáo. Hiển nhiên do đó mà đó là Ý Thượng Đế khiến nhân loại phải sống hoà hợp và thương yêu nhau.

Nếu nhìn sự việc theo latihan kedjiwaan, thì các bạn sẽ kết luận rằng cái tình trạng may mắn đó sẽ chỉ đạt được, nếu những người thực hiện nhiệm vụ của mình hoà thuận, kính trọng và giúp đỡ nhau. Nếu các bạn thực sự có thể được như vậy, thì điều chắc chắn là nhờ ân huệ Thượng Đế, các bạn sẽ được Thượng Đế che chở khiến cho không bị chia rẽ và tiêu diệt.

Nhận xét kĩ phạm vi quyền năng của latihan kedjiwaan Subud – đó thực sự là sự hướng dẫn và điều khiển của Thượng Đế - cái tình trạng của mình khi các bạn thực hiện bất cứ công việc nào, sẽ luôn có bên cạnh sự hướng dẫn và điều khiển của Thượng Đế. Vậy đối với những người trong các bạn thực hiện kinh doanh và có thể thực sự hiểu điều đó, thì trong mỗi hành động và trong mỗi động tác các bạn sẽ thường xuyên tôn vinh Thượng Đế một cách dồi dào.

Lấy một thí dụ: nếu bạn là một ca sĩ, thì trong lúc hát sẽ có sự hướng dẫn và điều khiển do quyền năng của Thượng Đế; nếu là một kiến trúc sư, thì trong công việc kiến trúc của mình cũng sẽ có sự hướng dẫn và điều khiển do quyền năng của Thượng Đế và vân vân. Bất cứ công việc nào mình làm, cái quyền hướng dẫn và điều khiển đó đi theo công việc của mình.

Thế cho nên đó là điều tại sao Bapak coi việc làm đó có tầm quan trọng sinh tử, nếu các anh chị em Subud nghĩ tới việc làm kinh doanh chung với nhau. Đừng nghĩ rằng nội ngã sẽ bị ngăn cản trong sự tiếp nhận và thực hiện latihan kedjiwaan Subud.

Theo lịch sử của sự sống, trước khi nhân vật được gọi là Adam được đặt trên trần gian này, ông đã không được trang bị cho những sức mạnh hạ đẳng tạo thành cái khung cho sự sống trên thế gian này. Mặc dù vậy, Adam đã có thể hiểu biết được cuộc sống mình, vì mọi điều vẫn còn là một với mình. Điều được suy nghĩ tới là một với điều khiến cho suy nghĩ. Điều được cảm thấy là một với điều khiến cho cảm thấy. Điều được trông thấy là một với điều khiến cho trông thấy. Điều được nghe thấy là một với điều khiến cho nghe thấy. Điều được nói tới là một với điều khiến cho nói.

Hiển nhiên, khi Adam vẫn còn trong tình trạng nguyên thủy, điều được cần tới là một với điều đang cần. Vì lẽ đó nên cái tên Adam có nghĩa là "đầu tiên" hay "trước tiên." Nên cái hình thù con người của Adam xuất hiện, sau khi đã có nhân vật được gọi là Adam. Như vậy, hiển nhiên chính con người là kẻ đã mô tả Adam là con người.

Vậy, trở lại cái thời điểm khi Adam sắp xuống trần gian, ta nhận thấy mọi điều mà Adam cần cho cuộc sống mình trên thế gian này, đã được ban tặng cho ông trong sự toàn thể của nó bởi quyền năng của Thượng Đế.

Điều này khiến cho Adam có thể sống một cách thích hợp trên trần gian. Ông phải tìm kiếm thức ăn mỗi lần thấy đói. Ông phải tìm kiếm nước uống, nếu thấy khát. Ông kiếm thứ gì để che thân, nếu thấy nóng do ánh nắng mặt trời, và ông tìm kiếm thứ gì đó, nếu thấy lạnh vì gió. Hiển nhiên, sau khi đến thế gian này, Adam phải tìm kiếm và phấn đấu để có bất cứ những gì mình cần. Tuy điều đó là vậy, nhưng ông chỉ thành công, nếu dùng những năng khiếu của mình để phấn đấu có được những gì mình cần, vì tất cả những dụng cụ cần thiết đã có chính nơi mình.

Vậy thì đối với chúng ta, cuộc sống trên thế gian này, hay sự kiện chúng ta được Thượng Đế tạo ra để sống trên thế gian này, có nghĩa là chúng ta không chỉ nên suy nghĩ về cuộc sống tại thế giới bên kia. Trái lại, chúng ta phải để ý tới và bảo đảm những nhu cầu của cuộc sống mình trong cái thời gian mình có mặt nơi đây.

Vấn đề cuộc sống mình sau khi chúng ta rời khỏi thế gian này là

mỗi quan tâm của Thượng Đế. Về phần mình, tất cả những điều chúng ta phải làm là quy thuận một cách kiên nhẫn, chấp nhận và phục tùng trong sự thờ phụng Thượng Đế. Như vậy, một tình cảm thương yêu tha nhân sẽ tự động phát sinh từ nội ngã mình, và chúng ta không ham muốn làm bất cứ những gì làm xáo lộn hay giảm thiểu sự yên ổn của tha nhân. Điều đó đã là một sự thật trong latihan kedjiwaan Subud; nhưng người tiếp nhận latihan kedjiwaan thì tiếp nhận được một sự thanh lọc mà thực chất là điều khiến cho những tật xấu của chúng ta trở thành tốt.

Đúng ra, mục đích của latihan kedjiwaan Subud và nhu cầu theo tập là để cho chúng ta biết được hai bốn phận của mình. Bốn phận thứ nhất của chúng ta là phụng thờ Thượng Đế một cách kiên nhẫn, chấp nhận và phục tùng; bốn phận thứ nhì là chăm lo và bảo đảm những nhu cầu của cuộc sống trong lúc chúng ta còn trên thế gian này.

Trở lại việc kinh doanh: hiện đang có người đi tiên phong; ở nước ngoài và Nam Dương đang có những cố gắng thiết lập kinh doanh. Ở Nam Dương điều đó bắt đầu với việc thành lập một ngân hàng – Susila Bakti - tại Jakarta vốn cho việc làm đó được đóng góp bởi các anh chị em nơi đây cũng như nước ngoài. Song song với việc đó, chúng ta đang xây cất một cao ốc làm văn phòng ở Jakarta. Đích thân tôi và gia đình cùng với các anh chị em Subud nơi đây và nước ngoài đã bỏ vốn ra. Nhờ ân huệ Thượng Đế mọi việc được tốt đẹp.

Ở nước ngoài cũng vậy, những nỗ lực tiên phong đã bắt đầu có. Trong trường hợp của Anh, Nhật và Đức, những điều này hình như được tốt đẹp. Ta hãy mong cho các anh chị em tại những quốc gia khác sớm bắt kịp, khiến cho lòng ước muốn thực hiện những việc làm trong lĩnh vực xã hội của chúng ta có thể thực sự được thi hành.

Tôi nghĩ như vậy là đầy đủ, khi hoàn thành cái lịch sử về cuộc hành trình phát triển latihan kedjiwaan Subud của mình.

